

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

**THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG
TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3
THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH**

**Chủ nhiệm đề tài: TRẦN THỊ NGỌC ÁNH
Lớp: D13 – GDTH2
Ngành: GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

NINH BÌNH, 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG
TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3
THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

Chủ nhiệm đề tài: TRẦN THỊ NGỌC ÁNH

Lớp: D13 – GDTH2

Người hướng dẫn khoa học: ThS. BÙI THỊ HỒNG

Xác nhận của GV hướng dẫn

Chủ nhiệm đề tài

Bùi Thị Hồng

Trần Thị Ngọc Ánh

NINH BÌNH, 2023

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài.....	1
2. Tính cấp thiết của đề tài	3
3. Mục tiêu nghiên cứu	4
4. Đối tượng nghiên cứu	4
5. Phạm vi nghiên cứu	4
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	5
NỘI DUNG	6
Chương 1: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI	6
1.1. Năng lực và dạy học phát triển năng lực	6
1.2. Khái quát về nội dung chương trình và sách giáo khoa môn Tiếng Việt lớp 3 bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.....	16
1.3. Đặc điểm tâm sinh lí của học sinh lớp 3 chi phối đến việc thiết kế hoạt động Khởi động	22
1.4. Thực trạng thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt lớp 3 theo CTGDPT 2018	24
Tiểu kết chương 1	30
Chương 2: THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3	31
2.1. Khái quát về thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	31
2.2. Thiết kế một số hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt lớp 3 theo định hướng phát triển năng lực học sinh	34
Tiểu kết chương 2	66
KẾT LUẬN	68
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Tên bảng	Trang
Bảng 1.1. So sánh chương trình giáo dục định hướng nội dung và chương trình giáo dục định hướng phát triển năng lực	7
Bảng 1.2. Nhận thức của GV về vai trò hoạt động Khởi động trong môn Tiếng Việt ở tiểu học	26
Bảng 1.3. Kết quả khảo sát HS về hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt lớp 3	29
Bảng 2.1. Danh mục các bài Tiếng Việt sử dụng để thiết kế hoạt động Khởi động	36

Tên biểu đồ	Trang
Biểu đồ 1.1. Nhận thức về mức độ cần thiết của hoạt động Khởi động môn Tiếng Việt của GV tiểu học	26
Biểu đồ 1.2. Nhận thức của GV về sự cần thiết phải đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động Khởi động trong môn Tiếng Việt ở tiểu học	27
Biểu đồ 1.3. Mong muốn được tham khảo tài liệu thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	28

BẢNG KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
CT	Chương trình
GDPT	Giáo dục phổ thông
GDTH	Giáo dục Tiểu học
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
KNTTVCS	Kết nối tri thức với cuộc sống
PPDH	Phương pháp dạy học
PTNL	Phát triển năng lực

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Cho đến nay, những nghiên cứu về hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học đã có nhiều công trình đề cập đến.

Tài liệu *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt tiểu học* của tác giả Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên) (2018) đã trình bày một số KHBD môn Tiếng Việt (chương trình hiện hành) theo logic phát triển năng lực HS. Các hoạt động dạy học được thiết kế theo trình tự: Khởi động, Khám phá, Hướng dẫn tự học. Trong đó, hoạt động Khởi động bao gồm hai nội dung: Dẫn nhập (gợi mở, trao đổi phương pháp học, tạo tâm thế tích cực cho người học) và Giới thiệu chủ đề (tương đương với phần Giới thiệu bài mới).

Cuốn *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới* của tác giả Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên) (2019) đã chỉ rõ vai trò, ý nghĩa của hoạt động Khởi động đối với HS trong tiến trình học tập trên lớp. Đồng thời, tác giả cũng đề xuất một số hình thức tổ chức và những lưu ý đối với GV khi tổ chức hoạt động này nhằm góp phần đạt được mục tiêu bài học.

Tác giả Nguyễn Hữu Hợp (2019) với công trình nghiên cứu "*Thiết kế bài học phát triển năng lực học sinh tiểu học*" đã trình bày cấu trúc hoạt động dạy học trong bài học phát triển năng lực HS, trong đó nêu rõ mục tiêu của hoạt động Khởi động. Tác giả cũng đưa ra ví dụ cụ thể của một số hoạt động Khởi động trong dạy học ở tiểu học nhằm giúp GV có thể vận dụng một cách thuận lợi.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019) đã ban hành 9 mô đun để thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên GV, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông triển khai thực hiện công trình GDPT 2018. Trong đó, mô đun 2 và mô đun 4 đã trình bày những vấn đề chung về xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục, PPDH và giáo dục theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất HS tiểu học. Ở đó, tài liệu đã cung cấp một số ví dụ về việc tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt.

Bài viết “*Trò chơi khởi động trong dạy học tập đọc lớp 2 theo định hướng phát triển năng lực*” của các tác giả Đinh Thị Nguyệt Linh, Nguyễn Thu Huyền, Đàm Hồng Thúy đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Hùng Vương (08/5/2020) đã đề xuất quy trình và cách tổ chức một số trò chơi sử dụng trong phần Khởi động nhằm PTNL cho HS trong dạy học phân môn Tập đọc lớp 2 phù hợp với định hướng PTNL HS theo CT GDPT mới.

Tài liệu "Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy" (Phụ lục 3, Ban hành kèm theo "Công văn 2345/BGDĐT- GDTH" của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 07/6/2021) đã chỉ rõ: "Hoạt động học tập của HS bao gồm hoạt động mở đầu (khởi động, kết nối); hình thành kiến thức mới (trải nghiệm, khám phá; phân tích, hình thành kiến thức mới); hoạt động luyện tập, thực hành và hoạt động vận dụng, ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề trong đời sống thực tế. Các hoạt động học tập (kể cả hoạt động tự nhận xét hay nhận xét sản phẩm học tập của bạn hay nhóm bạn) của HS, tùy theo mục đích, tính chất của mỗi hoạt động, được tổ chức làm việc cá nhân, theo nhóm hoặc cả lớp; đảm bảo mỗi HS được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập hay trải nghiệm thực tế".

Các cuốn sách giáo viên Tiếng Việt lớp 3 (2022) của ba bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, *Cánh diều*, *Chân trời sáng tạo* đã giới thiệu và hướng dẫn GV tổ chức hoạt động dạy học từng bài cụ thể tương ứng với sách giáo khoa. Mỗi kế hoạch dạy học đều có phần gợi dẫn, minh họa cách thực hiện hoạt động Khởi động. Tuy nhiên các hình thức tổ chức hoạt động Khởi động chưa thực sự đa dạng, phong phú. Các hình thức tổ chức dạy học chủ yếu được sử dụng là HS quan sát tranh và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc được gợi lên từ bức tranh hoặc trao đổi với bạn theo câu hỏi gợi ý trong sách giáo khoa.

Tác giả Vũ Thị Thu Hiền, Vũ Phạm Thu Trang (2020) có bài "*Một số biện pháp dạy - học phân khởi động trong giờ Tiếng Việt ở lớp 1, bộ sách KNTTVCS*" đăng trên Tạp chí Khoa học. Bài viết đề xuất một số biện pháp dạy

học phần Khởi động và minh họa qua một số bài học nhằm tạo hứng thú cho HS lớp 1 khi bắt đầu bài học Tiếng Việt.

Có thể nói, các bài viết, công trình nghiên cứu nêu trên đã có nhiều chỉ dẫn khoa học quý báu, khẳng định tầm quan trọng của hoạt động Khởi động, cũng như đề xuất được một số cách thức, biện pháp tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt. Tuy nhiên, trong khả năng bao quát tài liệu liên quan đến đề tài, hiện chưa thấy công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3.

Trên cơ sở kế thừa những định hướng, thành tựu của các nhà nghiên cứu đi trước, đề tài tập trung thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học các bài cụ thể trong môn Tiếng Việt lớp 3 bộ sách KNTTVCS theo định hướng PTNL HS, góp phần thực hiện mục tiêu CT GDPT mới.

2. Tính cấp thiết của đề tài

CT GDPT tổng thể được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tháng 12 năm 2018 coi phát triển năng lực HS là một trong những quan điểm nổi bật của việc xây dựng CT và tổ chức quá trình dạy học. Trong CT dạy học ở tiểu học, môn Tiếng Việt thể hiện rõ tư cách là môn học trung tâm, giữ vai trò trọng yếu nhất, bởi nó vừa là một môn học độc lập, vừa là công cụ để HS học tập tất cả các môn học khác.

Dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS phải được tiến hành đồng bộ trong từng công đoạn của quá trình dạy học. Trong đó, thiết kế KHBD (còn gọi là xây dựng giáo án) là một công việc vô cùng quan trọng và cần thiết, giúp GV hình dung ra tiến trình dạy học và có cơ sở để đánh giá tiến trình dạy học ấy. Thiết kế KHBD vừa là một nghệ thuật, vừa là một khoa học, đồng thời là yêu cầu của quản lí giáo dục. Nhiều nhà giáo dục, tâm lí học và GV có kinh nghiệm đã từng nói: "Muốn dạy học có kết quả cần phải thiết kế giáo án thành công".

Để giúp HS hình thành và phát triển tốt các năng lực môn Tiếng Việt theo yêu cầu của CT GDPT 2018, các nội dung học tập cần được tổ chức thông qua các hoạt động dạy học cụ thể. Trong tiến trình học tập trên lớp, hoạt động Khởi động (hoạt

động đầu tiên của bài học) đóng vai trò rất quan trọng, bởi nó tạo động cơ, hứng thú cho HS, kích thích sự tò mò, khơi dậy lòng khát khao khám phá của HS về chủ đề sẽ học, giúp không khí lớp học trở nên vui vẻ, sôi nổi. Chính vì vậy, việc đầu tư nghiên cứu, thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt là việc làm cần thiết đối với mỗi GV và sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

Thực tế cho thấy, để tổ chức được một hoạt động Khởi động hiệu quả, thiết thực, phù hợp với nội dung bài học và đối tượng HS không phải là một việc dễ dàng, nhất là đối với môn Tiếng Việt - môn học chiếm thời lượng nhiều nhất trong trường tiểu học. Hơn nữa, năm học 2022 - 2023 được xác định là năm học trọng tâm triển khai đổi mới giáo dục ở bậc phổ thông, trong đó có dạy theo CT mới đối với lớp 3, vì vậy, không ít GV còn gặp khó khăn trong việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu **Thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 theo định hướng phát triển năng lực học sinh.**

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 (bộ sách KNTTVCS) theo hướng phát triển năng lực HS để góp phần nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt.

- Đề tài được thực hiện thành công sẽ bổ sung nguồn tài liệu tham khảo cho SV ngành Giáo dục Tiểu học - Trường Đại học Hoa Lư trong học tập và thực hành nghề nghiệp.

4. Đối tượng nghiên cứu

- Hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3.

5. Phạm vi nghiên cứu

- SGK Tiếng Việt lớp 3, bộ sách KNTTVCS (NXB Giáo dục Việt Nam, 2022).

- Phạm vi khảo sát thực trạng:

+ Đối tượng khảo sát: GV dạy học môn Tiếng Việt và HS lớp 3 ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

+ Nội dung khảo sát: thực trạng thiết kế và tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 (bộ sách KNTTVCS) ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

Lý thuyết – Thực trạng – Giải pháp

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, chúng tôi sử dụng những PP nghiên cứu sau:

- Nhóm phương pháp nghiên cứu lí thuyết:

+ PP phân loại, hệ thống hóa lí thuyết: nghiên cứu các bài viết, công trình khoa học liên quan đến đề tài.

+ PP phân tích, tổng hợp: nghiên cứu nội dung chương trình dạy học môn Tiếng Việt lớp 3, xây dựng cơ sở khoa học của đề tài.

- Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

+ PP điều tra, khảo sát: khảo sát thực trạng thiết kế và tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

+ PP thống kê toán học: thống kê, phân loại, xử lí số liệu khảo sát thực trạng.

NỘI DUNG

Chương 1: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI

1.1. NĂNG LỰC VÀ DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1.1.1. Khái quát chung về năng lực

Trên thế giới hiện nay có nhiều quan điểm khác nhau về năng lực và có thể chia thành ba xu hướng chính:

Phần lớn định nghĩa về năng lực của các tài liệu nước ngoài quy năng lực vào phạm trù khả năng (ability, capacity, possibility) [13, tr.14]

Nhiều tài liệu nghiên cứu ở Việt Nam gọi năng lực là đặc điểm, phẩm chất hoặc thuộc tính cá nhân:

- Cách hiểu của Từ điển Bách khoa Việt Nam: “Năng lực là đặc điểm của cá nhân thể hiện mức độ thông thạo – tức là có thể thực hiện một cách thành thục và chắc chắn – một hay một số dạng hoạt động nào đó” [13, tr.15].

- Cách hiểu của Từ điển tiếng Việt: Năng lực là “phẩm chất tâm lí và sinh lí tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao” [13, tr15].

Ở đề tài này, chúng tôi sử dụng khái niệm năng lực được trình bày trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, bởi nó tương đối đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với vấn đề nghiên cứu: “Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có trong quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí, ... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể” [2].

Hai đặc trưng cơ bản của năng lực là: 1) Được bộc lộ, thể hiện qua hoạt động; 2) Đảm bảo hoạt động có hiệu quả, đạt kết quả mong muốn [13, tr.17-18].

Như vậy, muốn phát triển năng lực cho người học phải chú trọng tổ chức hoạt động cho học sinh. Qua hoạt động, bằng hoạt động, HS hình thành, phát triển năng lực, bộc lộ được tiềm năng của bản thân.

Có hai loại năng lực:

- *Năng lực cốt lõi*: là năng lực cơ bản, thiết yếu mà bất cứ ai cũng cần phải có để sống, học tập và làm việc hiệu quả.

- *Năng lực đặc biệt*: là những năng khiếu về trí tuệ, văn nghệ, thể thao, kỹ năng sống ... nhờ tổ chất sẵn có ở mỗi người.

Cũng theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, *năng lực cốt lõi* gồm *năng lực chung* và *năng lực đặc thù*. *Năng lực chung* là năng lực được tất cả các môn học và hoạt động giáo dục góp phần hình thành, phát triển như: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. *Năng lực đặc thù* được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học nhất định: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

1.1.2. Dạy học phát triển năng lực

Chương trình giáo dục định hướng PTNL (còn gọi là dạy học định hướng kết quả đầu ra) được bàn đến nhiều từ những năm 90 của thế kỷ XX và ngày nay đã trở thành xu hướng giáo dục quốc tế. Giáo dục định hướng PTNL nhằm mục tiêu phát triển năng lực người học. Khác với chương trình định hướng nội dung, CT dạy học định hướng PTNL tập trung vào việc mô tả chất lượng đầu ra, có thể coi là “sản phẩm cuối cùng” của quá trình dạy học. Việc quản lý chất lượng dạy học chuyển từ việc điều khiển “đầu vào” sang điều khiển “đầu ra”, tức là kết quả học tập của HS. Điều này được thể hiện cụ thể ở bảng sau:

Bảng 1.1. So sánh chương trình giáo dục định hướng nội dung và chương trình giáo dục định hướng phát triển năng lực

Chương trình	Chương trình giáo dục định hướng nội dung	Chương trình giáo dục định hướng phát triển năng lực
Thành tố	Mục tiêu dạy học được mô tả không chi tiết và	Kết quả học tập cần đạt được mô tả chi tiết và có thể

Mục tiêu	không nhất thiết phải quan sát, đánh giá được.	quan sát, đánh giá được; thể hiện được mức độ tiến bộ của HS một cách liên tục.
Nội dung	Việc lựa chọn nội dung dựa vào các khoa học chuyên môn, không gắn với các tình huống thực tiễn. Nội dung được quy định chi tiết trong chương trình.	Lựa chọn những nội dung nhằm đạt được kết quả đầu ra đã quy định, gắn với các tình huống thực tiễn. Chương trình chỉ quy định những nội dung chính, không quy định chi tiết.
Phương pháp dạy học	Giáo viên là người truyền thụ tri thức, là trung tâm của quá trình dạy học. HS tiếp thu thụ động những tri thức được quy định sẵn.	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chủ yếu là người tổ chức, hỗ trợ HS tự lực và tích cực lĩnh hội tri thức. Chú trọng sự phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp ... - Chú trọng sử dụng các quan điểm, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, các phương pháp dạy học thí nghiệm, thực hành.
Hình thức dạy học	Chủ yếu dạy học lí thuyết trên lớp học.	Tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học, trải nghiệm sáng tạo đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học

Đánh giá kết quả học tập người học	Tiêu chí đánh giá được xây dựng chủ yếu dựa trên sự ghi nhớ và tái hiện nội dung đã học.	Tiêu chí đánh giá dựa vào năng lực đầu ra, có tính đến sự tiến bộ trong quá trình học tập, chú trọng khả năng vận dụng trong các tình huống thực tiễn.
------------------------------------	--	--

1.1.3. Dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học

1.1.3.1. Năng lực của học sinh tiểu học

Từ định nghĩa năng lực, năng lực HS tiểu học có những đặc điểm, yếu tố sau [16, tr.7]:

- *Năng lực là thuộc tính cá nhân*: Mỗi cá nhân có những năng lực riêng của mình, rất có thể khác với những năng lực của các em khác. Do đó, năng lực là một trong những điểm quan trọng nhất để phân biệt các cá nhân với nhau. Một khi là giá trị cá nhân, năng lực HS có tính bền vững rất cao.

- *Năng lực được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện*: Mỗi cá nhân HS đều có tiềm năng sẵn có để phát triển năng lực của mình. Quá trình học tập và rèn luyện của HS được định hướng PTNL nên mang lại hiệu quả cao.

- *Năng lực cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí, ...* Khi đó, kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân vừa là “nguyên vật liệu” tạo nên năng lực, vừa là thành phần của năng lực.

- *Năng lực cho phép con người thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định*: Năng lực không phải trừu tượng chung chung mà luôn gắn liền với hoạt động nào đó (đối với HS tiểu học, đó là học tập, vui chơi, lao động, công tác xã hội, thể dục – thể thao). Chỉ khi HS thực hiện thành công hoạt động nào đó thì mới khẳng định được HS đó có năng lực tương ứng. Như vậy, năng lực HS có tính “động”, tức là quá trình HS thực hiện hoạt động đó.

- Năng lực cho phép con người đạt *kết quả mong muốn* trong những điều kiện cụ thể. Một “thước đo” quan trọng của năng lực là kết quả mong muốn mà HS đạt được qua hoạt động của mình. Hơn nữa, kết quả này phải gắn với bối cảnh thực tiễn, điều kiện cụ thể.

1.1.3.2. Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học

a) Mục tiêu cụ thể của chương trình môn Tiếng Việt trong Chương trình môn Ngữ văn 2018

Chương trình môn Ngữ văn 2018 đã xác định mục tiêu chung của môn học này như sau [3, tr.1]:

Giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có ý thức đối với cội nguồn; yêu thích cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động; thật thà, ngay thẳng trong học tập và đời sống; có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường xung quanh.

Giúp HS bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy văn bản; hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản; liên hệ, so sánh ngoài văn bản; viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn, bài văn ngắn (chủ yếu là bài văn kể và tả); phát biểu rõ ràng; nghe hiểu ý kiến người nói. PTNL văn học với yêu cầu phân biệt được thơ và truyện, biết cách đọc thơ và truyện; nhận biết được vẻ đẹp của ngôn từ nghệ thuật; có trí tưởng tượng, hiểu và biết xúc động trước cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh được thể hiện trong các văn bản văn học.

b) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của môn Tiếng Việt trong Chương trình môn Ngữ văn 2018

Yêu cầu cần đạt về các phẩm chất chủ yếu:

Các biểu hiện chính của các phẩm chất mà môn học Ngữ văn góp phần hình thành và phát triển cho HS:

- Biết yêu thiên nhiên, yêu đất nước với những biểu hiện phong phú trong cuộc sống cũng như văn học; yêu quý và tự hào về truyền thống của gia đình, quê hương, đất nước; kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với đất nước; biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp; giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hóa, các di tích lịch sử; có lý tưởng sống và có ý thức sâu sắc về chủ quyền quốc gia và tương lai của dân tộc.

- Biết quan tâm đến những người thân, tôn trọng bạn bè, thầy cô; biết nhường nhịn, vị tha; biết xúc động trước những con người và những việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hòa với người khác; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hóa, biết tha thứ, độ lượng với người khác.

- Chăm đọc sách báo; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.

- Sống thật thà, ngay thẳng, thành thật với bản thân và những người khác; yêu lẽ phải, trọng chân lí; thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ, tình cảm của mình.

- Biết giữ lời hứa, dám chịu trách nhiệm về lời nói, hành động và hậu quả do công việc mình đã làm; có thái độ và hành vi tôn trọng các quy định chung nơi công cộng; có ý thức sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân biết giữ gìn tư cách, bản sắc của công dân Việt Nam; đồng thời, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại nhân loại để hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

Yêu cầu cần đạt về các năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học:

Môn Ngữ văn hình thành, phát triển các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Đây là công cụ quan trọng để HS học các môn học khác và tự học. HS biết tự tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp với các mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; biết lưu trữ và xử lý thông tin bằng các hình thức phù hợp.

Thông qua đọc, viết, nói và nghe các kiểu, loại văn bản đa dạng, môn Ngữ văn mang lại cho HS những trải nghiệm phong phú; nhờ đó, HS phát triển được vốn sống; có khả năng nhận biết cảm xúc, tình cảm, sở thích, cá tính và khả năng của bản thân; biết tự làm chủ đề có hành vi phù hợp, sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống. Môn Ngữ văn cũng giúp HS có khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:

Môn Ngữ văn là môn học đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành, phát triển năng lực giao tiếp cho HS.

Qua môn Ngữ văn, HS biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung, kiểu văn bản và thể loại, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp để thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; biết tiếp nhận các kiểu văn bản và thể loại đa dạng; chủ động, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trong giao tiếp.

Cũng qua môn Ngữ văn, HS phát triển khả năng nhận biết, thông hiểu và đồng cảm với suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác; biết sống hòa hợp và hóa giải các mâu thuẫn; thiết lập và phát triển mối quan hệ với người khác; phát triển khả năng làm việc nhóm, tăng hiệu quả hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

Năng lực giải quyết vấn đề trong môn Ngữ văn được thể hiện ở khả năng đánh giá nội dung của văn bản, biết làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng, độ tin cậy của những thông tin và ý tưởng mới; biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

Môn Ngữ văn đề cao vai trò của HS với tư cách là người đọc tích cực, chủ động, không chỉ trong hoạt động tiếp nhận mà còn trong việc tạo nghĩa cho văn bản. Khi viết, HS cần phải bắt đầu từ việc hình thành ý tưởng và triển khai ý tưởng một cách sáng tạo. Qua việc học môn Ngữ văn, nhất là đọc và viết về văn

học, HS có được khả năng đề xuất ý tưởng, tạo ra sản phẩm mới; suy nghĩ không theo lối mòn, biết cách giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, phù hợp với tình huống, bối cảnh.

c) Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Tiếng Việt trong Chương trình môn Ngữ văn 2018

* Năng lực ngôn ngữ: Đọc đúng, trôi chảy và diễn cảm văn bản; hiểu được nội dung chính của văn bản, chủ yếu là nội dung tường minh; bước đầu hiểu được nội dung hàm ẩn như chủ đề, bài học rút ra từ văn bản đã đọc.

Ở cấp tiểu học, yêu cầu về đọc gồm yêu cầu về kỹ thuật đọc và kỹ năng đọc hiểu. Đối với HS các lớp đầu cấp (lớp 1, lớp 2), chú trọng cả yêu cầu đọc đúng với tốc độ phù hợp và đọc hiểu nội dung đơn giản của văn bản.

Đối với HS lớp 3, lớp 4 và lớp 5, chú trọng nhiều hơn đến yêu cầu đọc hiểu nội dung cụ thể, hiểu chủ đề, hiểu bài học rút ra được từ văn bản.

Từ lớp 1 đến lớp 3, viết đúng chính tả, từ vựng, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn văn ngắn; ở lớp 4 và lớp 5 bước đầu viết được bài văn ngắn hoàn chỉnh, chủ yếu là bài văn kể, tả và bài giới thiệu đơn giản.

Viết được văn bản kể lại những câu chuyện đã đọc, những sự việc đã chứng kiến, tham gia, những câu chuyện do HS tưởng tượng; miêu tả những sự vật, hiện tượng quen thuộc; giới thiệu về những sự vật và hoạt động gần gũi với cuộc sống của HS. Viết đoạn văn nêu những cảm xúc, suy nghĩ của HS khi đọc một câu chuyện, bài thơ, khi chứng kiến một sự việc gợi cho HS nhiều cảm xúc; nêu ý kiến về một vấn đề đơn giản trong học tập và đời sống; viết một số kiểu văn bản như: bản tự thuật, tin nhắn, giấy mời, thời gian biểu, đơn từ, ...; bước đầu biết viết theo quy trình; bài viết cần có đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài).

Trình bày dễ hiểu các ý tưởng và cảm xúc; bước đầu biết sử dụng cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói; kể lại được một cách rõ ràng câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết chia sẻ, trao đổi những cảm xúc, thái độ, suy nghĩ của mình đối với những vấn đề được nói đến; biết thuyết minh về một đối tượng hay quy trình đơn giản.

Nghe hiểu với thái độ phù hợp và nắm được nội dung cơ bản; nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe.

* Năng lực văn học: Phân biệt văn bản truyện và thơ (đoạn, bài văn xuôi và đoạn, bài văn vần); nhận biết được nội dung văn bản và thái độ, tình cảm của người viết; bước đầu hiểu được tác dụng của một số yếu tố hình thức của văn bản văn học (ngôn từ, nhân vật, cốt truyện, vần thơ, so sánh, nhân hoá). Biết liên tưởng, tưởng tượng và diễn đạt có tính văn học trong viết và nói.

Đối với HS lớp 1 và lớp 2: nhận biết được văn bản nói về ai, về cái gì; nhận biết được nhân vật trong các câu chuyện, vần trong thơ; nhận biết được truyện và thơ.

Đối với HS lớp 3, lớp 4 và lớp 5: biết cách đọc diễn cảm văn bản văn học; kể lại, tóm tắt được nội dung chính của câu chuyện, bài thơ; nhận xét được các nhân vật, sự việc và thái độ, tình cảm của người viết trong văn bản; nhận biết được thời gian và địa điểm, một số kiểu vần thơ, nhịp thơ, từ ngữ, hình ảnh đẹp, độc đáo và tác dụng của các biện pháp tu từ nhân hoá, so sánh. Hiểu được ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ văn bản. Viết được đoạn, bài văn kể chuyện, miêu tả thể hiện cảm xúc và khả năng liên tưởng, tưởng tượng.

1.2. KHÁI QUÁT VỀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

1.2.1. Yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học môn Tiếng Việt lớp 3

Yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 được quy định cụ thể trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 [3, tr.27-31].

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p style="text-align: center;">ĐỌC</p> <p>KỸ THUẬT ĐỌC</p> <p>– Đọc đúng và bước đầu biết đọc diễn cảm các đoạn văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ; tốc độ đọc khoảng 70 – 80 tiếng/phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu</p>	<p>KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT</p> <p>1. Cách viết nhan đề văn bản</p> <p>2.1. Vốn từ theo chủ điểm</p> <p>2.2. Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau</p> <p>3.1. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính</p>

<p>hay chỗ ngắt nhịp thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong một đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật. – Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp 2. – Đánh dấu được đoạn sách đang đọc. – Ghi chép ngắn gọn những nội dung quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay. <p>ĐỌC HIỂU</p> <p>Văn bản văn học</p> <p><i>Đọc hiểu nội dung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được chi tiết và nội dung chính. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản. – Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý. – Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý. <p><i>Đọc hiểu hình thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản. – Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện. – Nhận biết được vần và biện pháp tu từ so sánh trong thơ. – Nhận xét được về hình dáng, điệu bộ, 	<p>chất</p> <p>3.2. Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu</p> <p>3.3. Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép (đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phần giải thích, liệt kê)</p> <p>4.1. Biện pháp tu từ so sánh: đặc điểm và tác dụng</p> <p>4.2. Sơ giản về đoạn văn và văn bản có nhiều đoạn: dấu hiệu nhận biết</p> <p>4.3. Sơ giản về lượt lời thể hiện qua trao đổi nhóm</p> <p>4.4. Kiểu văn bản và thể loại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đoạn văn kể lại câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm – Đoạn văn miêu tả đồ vật – Đoạn văn chia sẻ cảm xúc, tình cảm – Đoạn văn nêu lí do vì sao mình thích một nhân vật trong câu chuyện – Đoạn văn giới thiệu về đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2-3 sự việc, thông báo hoặc bản tin
---	---

<p>hành động của nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.</p> <p><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Lựa chọn một nhân vật trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, nêu tình cảm và suy nghĩ về nhân vật đó. – Lựa chọn một nhân vật hoặc địa điểm trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, mô tả hoặc vẽ lại được nhân vật, địa điểm đó. <p><i>Đọc mở rộng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. – Thuộc lòng được ít nhất 8 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 60 chữ. <p>Văn bản thông tin</p> <p><i>Đọc hiểu nội dung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý? – Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản. <p><i>Đọc hiểu hình thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc 	<p>ngắn, tờ khai in sẵn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) <p>KIẾN THỨC VĂN HỌC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài học rút ra từ văn bản - Địa điểm và thời gian - Suy nghĩ và hành động của nhân vật <p style="text-align: center;">NGŨ LIỆU</p> <p>1.1. Văn bản văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả – Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè – Độ dài của văn bản: truyện khoảng 200 – 250 chữ, bài miêu tả khoảng 180 – 200 chữ, thơ khoảng 80 – 100 chữ <p>1.2. Văn bản thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> – Văn bản giới thiệu một đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2-3 sự việc – Thông báo ngắn, tờ khai in sẵn – Độ dài của văn bản: khoảng 120 – 150 chữ <p>2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý</p>
--	--

điểm của văn bản: văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, văn bản giới thiệu một đồ vật, thông báo ngắn, tờ khai đơn giản.

– Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian.

– Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản.

Liên hệ, so sánh, kết nối

Nêu được những điều học được từ văn bản.

Đọc mở rộng

Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương các văn bản đã học.

VIẾT

KĨ THUẬT VIẾT

– Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.

– Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam và một số tên nhân vật, tên địa lí nước ngoài đã học.

– Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.

– Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ viết

một bài có độ dài khoảng 65 – 70 chữ, tốc độ khoảng 65 – 70 chữ trong 15 phút.

– Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.

VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN

Quy trình viết

Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý.

Thực hành viết

– Viết được đoạn văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến, tham gia.

– Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật.

– Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý.

– Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

- Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân.

– Viết được thông báo hay bản tin ngắn theo mẫu; điền được thông tin vào một số tờ khai in sẵn; viết được thư cho người thân hay bạn bè (thư viết tay hoặc thư điện tử).

NÓI VÀ NGHE

Nói

– Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe, biết tránh dùng từ ngữ kém văn hoá.

– Biết phát biểu ý kiến trước nhóm, tổ, lớp; giới thiệu các thành viên, các hoạt động của nhóm, tổ, lớp.

– Nói được về một con người, đồ vật, vật nuôi dựa vào gợi ý.

– Kể được một câu chuyện đơn giản đã đọc, nghe hoặc xem (có sự hỗ trợ, gợi ý); kết hợp lời kể, điệu bộ thể hiện cảm xúc về câu chuyện. Nói 2 – 3 câu về một tình huống do em tưởng tượng.

– Nói được về một số đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình ảnh trong truyện tranh hay phim hoạt hình.

Nghe

– Chú ý nghe người khác nói. Đặt được những câu hỏi có liên quan để hiểu đúng

<p>nội dung đã nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết hỏi và đáp kết hợp với cử chỉ, điệu bộ thích hợp. – Nghe một câu chuyện, tưởng tượng và diễn tả lại bằng vẽ hoặc hành động, lời nói của một nhân vật trong câu chuyện đó. <p><i>Nói nghe tương tác</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chú ý lắng nghe, tập trung vào vấn đề trao đổi, không nói lạc đề. – Biết nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp; lắng nghe để hiểu đúng thông tin; nói rõ ràng và tỏ thái độ thích hợp; tập trung vào mục đích cuộc nói chuyện. 	
---	--

1.2.2. Sách giáo khoa môn Tiếng Việt lớp 3, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

1.2.2.1. Cấu trúc sách

Tiếng Việt 3 được thiết kế thành 2 tập, tập một dành cho học kì I (18 tuần) tập 2 dành cho học kì II (17 tuần), mỗi tuần có 7 tiết.

Tập một có 32 bài học, được sắp xếp theo 4 chủ điểm và học trong 16 tuần, mỗi tuần 2 bài. Ngoài ra, có một tuần Ôn tập giữa học kì và một tuần Ôn tập, đánh giá cuối học kì. Ở đầu sách có Lời nói đầu; cuối sách có bảng thuật ngữ (Một số thuật ngữ dùng trong sách) và Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài xuất hiện trong các bài học ở tập một.

Tập hai có 30 bài, được sắp xếp theo 4 chủ điểm và học trong 15 tuần, mỗi tuần 2 bài. Ngoài ra, có một tuần Ôn tập giữa kì và một tuần Ôn tập, đánh giá cuối học kì. Cuối sách có bảng thuật ngữ (Một số thuật ngữ dùng trong sách) và Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài xuất hiện trong các bài học ở tập hai.

Ngoài các bài học chính, mỗi tập sách đều có các trang mục lục (ở đầu sách), bảng tra cứu các thuật ngữ, bảng tra cứu tên riêng ngoài (ở cuối sách). Về cơ bản cả hai tập sách và cấu trúc từng bài học trong hai tập là như nhau. Các bài học được tổ chức theo chủ điểm. Tập một các chủ điểm xoay quanh những vấn đề cá nhân/ bản thân học sinh, nhà trường, gia đình, cộng đồng. Tập hai, các chủ điểm hướng đến vẻ đẹp của thiên nhiên, những vấn đề của cuộc sống xã hội, những bài học từ các mối quan hệ xã hội, đất nước Việt Nam và thế giới.

Mỗi tuần có hai bài học: bài thứ nhất 3 tiết, bài thứ hai có 4 tiết. Cuối mỗi tập sách đều có đề tham khảo để GV có thể dựa vào đó để thiết kế đề kiểm tra học kì và cuối năm cho HS. Đề tham khảo chỉ là gợi ý về cấu trúc và các dạng bài tập cần có trong đề kiểm tra. Mức độ yêu cầu ở từng đề có thể linh hoạt trong giới hạn cho phép, tùy theo điều kiện dạy học thực tế ở mỗi địa phương, mỗi nhà trường và theo công văn hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2.2.2. Những điểm mới cơ bản của sách Tiếng Việt lớp 3 bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

Trong cuốn Sách giáo viên Tiếng Việt lớp 3 bộ sách KNTTVCS của Bùi Mạnh Hùng đã chỉ ra những điểm mới cơ bản gồm:

- Tên các chủ điểm trong sách có sức gợi mở và hấp dẫn
- Sách chú trọng rèn luyện và phát triển kĩ năng ngôn ngữ cho HS
- Nội dung bài học có sự kết nối chặt chẽ giữa các kĩ năng và được thiết kế theo hướng mở để phát huy năng lực người học
- Kiến thức tiếng Việt và văn học được truyền tải nhẹ nhàng, sinh động thông qua thực hành, luyện tập
- Nội dung ngữ liệu đọc, viết, nói và nghe của sách mới mẻ, cập nhật với cuộc sống hiện tại ở các vùng miền, phù hợp với tâm lí tiếp nhận của HS lớp 3 hiện nay
- Tiếp nối Tiếng Việt 1 và Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3 chú ý dành thời gian cho hoạt động đọc mở rộng

- Tiếng Việt 3 thiết kế kênh hình đẹp. Không chỉ hình ảnh mà các loại bảng và sơ đồ cũng được sử dụng để tăng thêm hiệu quả trình bày. HS sẽ cảm thấy thích thú với việc học tiếng Việt khi cầm cuốn sách trên tay và từng bước khám phá những bài học dành cho các em ở trong đó.

1.3. ĐẶC ĐIỂM TÂM SINH LÝ CỦA HỌC SINH CHI PHỐI ĐẾN VIỆC THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

1.3.1. Sự phát triển về thể chất

Như chúng ta đã biết, trẻ em ở TH (6 đến 11 tuổi) là lứa tuổi các em vừa bước vào một giai đoạn mới với hoạt động học tập là chủ đạo. Ở lứa tuổi này, cơ thể của các em đang có sự phát triển và hoàn thiện dần về cả cấu trúc và chức năng. Các hệ cơ quan trong cơ thể đang phát triển mạnh nhưng chưa thật đồng bộ. Cụ thể:

- Hệ xương: Nhiều mô sụn, xương sống, xương hông, xương chân, xương tay, ... của các em đang trong thời kỳ phát triển (thời kỳ cốt hóa) nên dễ bị cong vẹo, gãy dập do ngồi sai tư thế hoặc quá lâu trên lớp học hay vận động mạnh, ... Vì thế, không nên bắt ép trẻ ngồi quá lâu với tư thế gò bó mà cần cho các em vận động nhẹ nhàng sau những phút ngồi học trong lớp.

- Hệ cơ: Theo nghiên cứu của các nhà sinh học, lứa tuổi từ 6 đến 11 tuổi là giai đoạn hệ cơ phát triển mạnh mẽ nhất nên các em rất thích các trò chơi vận động như chạy, nhảy, nô đùa... Hơn nữa, do hệ cơ đang trong quá trình hoàn thiện nên khả năng tập trung chú ý của tuổi này còn thấp, trẻ thường không ngồi yên lâu một chỗ được. Vì vậy mà các hoạt động vận động nhẹ nhàng, an toàn rất thích hợp với các em.

- Hệ thần kinh: Hệ thần kinh cấp cao đang trong quá trình phát triển cả về mặt chức năng cũng như cấu tạo. Đến 9, 10 tuổi hệ thần kinh của các em tương đối hoàn thiện. Điều này tạo điều kiện cho việc thành lập nhiều phản xạ có điều kiện. Tuy nhiên, ở giai đoạn này, khả năng ức chế thần kinh còn yếu, các em dễ bị kích thích, hưng phấn, dễ khóc, dễ cười, ... Đây cũng là một đặc điểm mà trong quá trình giáo dục cho HS tiểu học cần chú ý.

Như vậy, qua phân tích các đặc điểm cơ bản nhất về mặt cơ thể của HS tiểu học đã thấy tổ chức dạy học nội dung Tiếng Việt nói riêng và tổ chức dạy học các môn ở tiểu học nói chung theo hướng phát triển năng lực học sinh là hoàn

toàn phù hợp. Các em được lĩnh hội kiến thức một cách tự nhiên, nhẹ nhàng, không gượng ép và hiệu quả. Dạy học theo hướng PTNL HS các em được tự mình trải nghiệm, vận dụng những tri thức, vốn hiểu biết đã có để tìm ra kiến thức, kỹ năng mới cần lĩnh hội.

1.3.2. Sự phát triển về nhận thức, ngôn ngữ

Trong cuốn *Lí luận dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học* của PGS.TS Hoàng Thị Tuyết có trình bày về đặc điểm phát triển của HS tiểu học [12, tr.101-116]:

Quá trình hình thành năng lực và phẩm chất ngôn ngữ thông qua giao tiếp của con người thể hiện rất rõ qui luật về quan hệ giữa phát triển ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ. Ngôn ngữ đóng vai trò tối cần thiết trong sự phát triển về mặt nhận thức và xã hội của trẻ vào cuối năm của bậc tiểu học, hầu hết trẻ có vốn từ khoảng 30.000 từ, sử dụng được nhiều cấu trúc câu phức tạp và có thể trình bày ý kiến của mình trong các cuộc hội thoại. Xét về năng lực hiểu nghĩa của từ và sử dụng từ, theo nghiên cứu của Lê Phương Nga (1999), cho đến tuổi thứ bảy, trình độ ngôn ngữ của học sinh nhìn chung còn thấp, nghĩa là còn mang tính chất trực quan cụ thể. Điều này phù hợp với mức độ và tính chất phát triển của trẻ ở giai đoạn *hình thành những thao tác tư duy cụ thể* (từ 6 hoặc 7 tuổi đến 11 tuổi) mà Piaget xác lập.

Ở độ tuổi 7-8 tuổi, hầu hết HS đều đọc thông, viết thạo. Tuy nhiên, các em vẫn tiếp tục được phát triển ngôn ngữ nói và viết. Ngôn ngữ nói là cơ sở hình thành ngôn ngữ viết, ngôn ngữ văn hóa của các em. Chữ viết và ngôn ngữ viết tạo ra một bước nhảy vọt trong hoạt động giao tiếp ngôn ngữ đồng thời trong hoạt động nhận thức, hoạt động tâm lý, trong toàn bộ quá trình hoạt động nhân cách của học sinh.

Đặc điểm trí tuệ và cảm xúc xét theo độ tuổi cũng liên quan đến việc học và phát triển ngôn ngữ của HS. Sự phát triển về ngôn ngữ là một phương tiện cần thiết giúp trẻ phát triển về mặt trí tuệ. Đối với trẻ 7-8 tuổi có thể gọi là một tuổi bành trướng và phân tán. Ở tuổi này, trẻ trở nên nhanh nhẹn, xông xáo. Với một năng lượng tràn trề, trẻ thích mạo hiểm, tò mò đi tìm và tiếp xúc với những

sự vật mới, với mọi người kể cả người lớn tuổi. Trẻ học hành, hoạt động bội phần hăng hái hơn. Về mặt nhận thức, trẻ 7-8 tuổi không còn nhìn sự vật một cách rời rạc nữa. Các em có thể nhận ra sự khác biệt giữa người và vật, giữa sức mạnh khách quan và những sự thúc đẩy tâm lý chủ quan của con người. Và trên tất cả, trẻ ở độ tuổi HS lớp 3 đang bước ra khỏi “trung tâm tự kỷ” để nhận ra mình là một trong số những người khác, hăng hái hoạt động và vui đời.

Như vậy, có nhiều yếu tố góp phần vào sự thành công của người học ngôn ngữ ở bậc tiểu học. Trong những yếu tố đó, có một số yếu tố cơ bản mà hoạt động dạy học có thể tác động, đó là trí nhớ, sức chú ý, khả năng siêu nhận thức, động cơ và sự vui thích học tập, những chiến lược và thói quen học tập.

1.4. THỰC TRẠNG THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

1.4.1. Khái quát về quá trình điều tra, khảo sát

1.4.1.1. Mục đích khảo sát

Nhằm đánh giá việc thiết kế và tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt, phân tích những yếu tố ảnh hưởng, từ đó, thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 (bộ sách KNTTVCS) theo hướng phát triển năng lực HS để góp phần nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt.

1.4.1.2. Cách thức khảo sát

- Khảo sát thông qua phiếu điều tra:
 - + Phiếu khảo sát GV dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học [Phụ lục 1]
 - + Phiếu khảo sát HS lớp 3 [Phụ lục 2]
- Tham khảo một số KHBD Tiếng Việt lớp 3 của GV [Phụ lục 3,4]

1.4.1.3. Nội dung khảo sát

- Phiếu khảo sát GV tiểu học bao gồm các nội dung:
 - + Nhận thức của GV trong việc thiết kế, tổ chức hoạt động Khởi động trong môn Tiếng Việt.
 - + Thực trạng thiết kế, tổ chức hoạt động Khởi động trong môn Tiếng Việt.

+ Khó khăn của GV trong việc thiết kế, tổ chức hoạt động Khởi động trong môn Tiếng Việt.

- Phiếu khảo sát HS lớp 3.

+ Mong muốn của HS trong việc tham gia hoạt động Khởi động.

+ Tần suất tham gia và cảm xúc sau khi tham gia hoạt động Khởi động trong học môn Tiếng Việt.

+ Những mong muốn về hình thức khởi động.

1.4.1.4. Quy trình khảo sát

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch khảo sát.

- Bước 2: Tiến hành khảo sát:

+ Khảo sát GV đang giảng dạy môn Tiếng Việt ở một số trường tiểu học, phân bố ở các khu vực thành phố, nông thôn của tỉnh Ninh Bình (87GV)

+ Khảo sát HS lớp 3 ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (165 HS).

+ Nghiên cứu một số KHBD Tiếng Việt lớp 3 của GV.

- Bước 3: Xử lý kết quả điều tra:

Sử dụng thống kê toán học trong xử lý số liệu căn cứ trên các tiêu chí để lượng hóa.

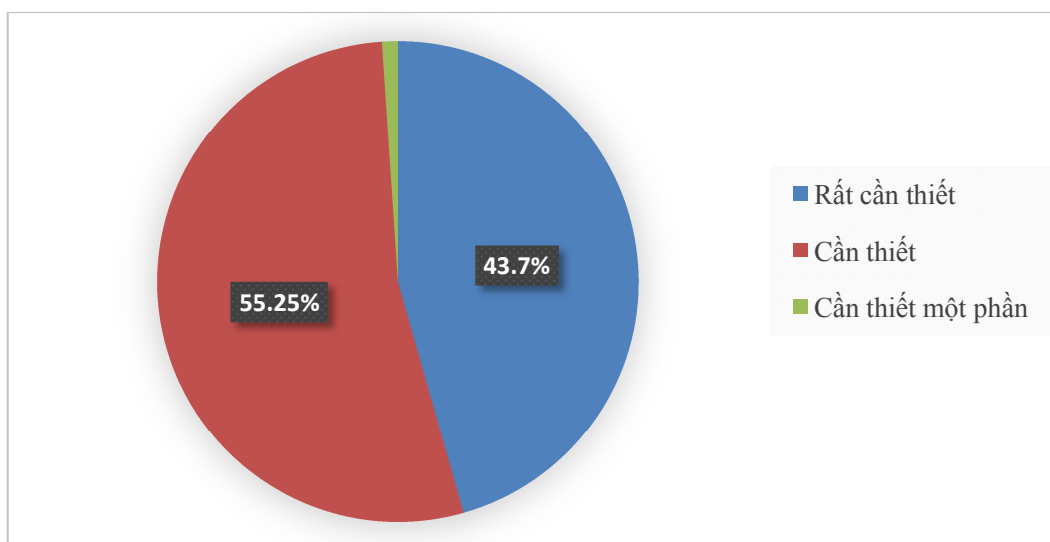
- Bước 4: Phân tích thực trạng và chỉ ra nguyên nhân của thực trạng, đề xuất giải pháp.

1.4.2. Kết quả khảo sát

1.4.2.1. Kết quả khảo sát thông qua phiếu hỏi của GV

- Qua khảo sát GV về việc thiết kế, tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3, tác giả đề tài đã thu được kết quả như sau:

+ Nhận thức của GV về mức độ cần thiết của hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học được thể hiện trong biểu đồ 1.1.



Biểu đồ 1.1. Nhận thức về mức độ cần thiết của hoạt động Khởi động môn Tiếng Việt của GV tiểu học

Kết quả cho thấy, hầu hết các GV (98,9%) cho rằng hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học là “Cần thiết” và “Rất cần thiết”.

+ Nhận thức của GV về ý nghĩa của hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học được thể hiện trong bảng sau:

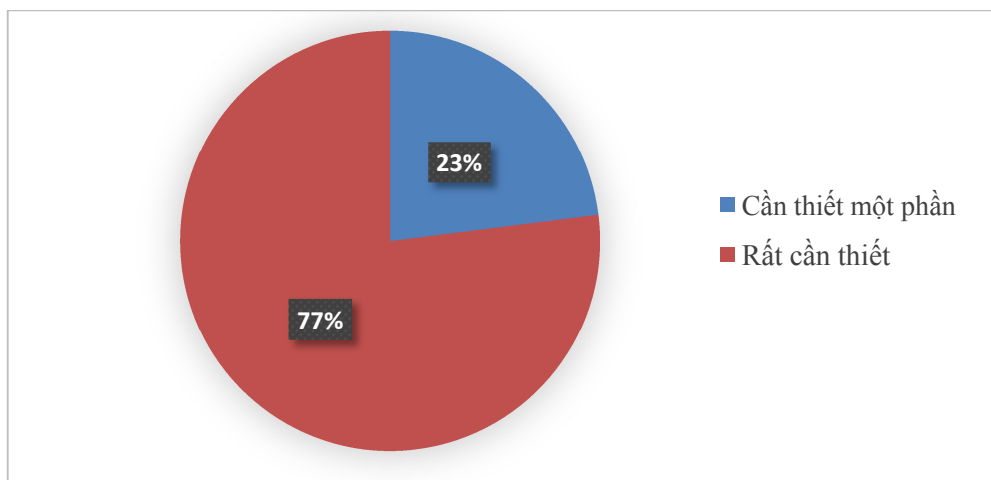
Bảng 1.2. Nhận thức của GV về vai trò hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học

Những nhận định	Số lượng	%
Hoạt động Khởi động làm cho giờ học trở nên sôi nổi, tạo tâm thế hứng khởi, thoải mái cho HS	81	93,1
Hoạt động Khởi động làm mất thời gian của giờ học	1	1,1
Hoạt động Khởi động kích thích nhu cầu tìm tòi, khám phá bài học	35	40,2
Hoạt động Khởi động giúp kết nối kiến thức, kỹ năng HS đã có với nội dung bài mới	43	49,4
Hoạt động Khởi động giúp HS vận dụng những điều đã học để nhận thức, giải quyết những tình huống có thực trong đời sống	16	18,4

Hoạt động Khởi động giúp GV bước đầu đánh giá về sự chuẩn bị bài của HS	25	28,7
Hoạt động Khởi động giúp GV giới thiệu bài một cách thú vị, hấp dẫn	52	59,8
Hoạt động Khởi động tạo áp lực học tập cho HS	1	1,1
Hoạt động Khởi động giúp cho việc kiểm tra bài cũ diễn ra nhẹ nhàng, tạo cảm xúc tích cực cho HS	39	44,8
Hoạt động Khởi động có vai trò củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng thực hành	20	23

Từ kết quả của bảng 1.2 cho thấy, đa số GV có cách đánh giá đúng về tác dụng, ý nghĩa của hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học. Đặc biệt ở các tiêu chí: “Hoạt động Khởi động làm cho giờ học trở nên sôi nổi, tạo tâm thế hứng khởi, thoải mái cho HS”; “Hoạt động Khởi động giúp GV giới thiệu bài một cách thú vị, hấp dẫn”, GV có sự đồng thuận cao.

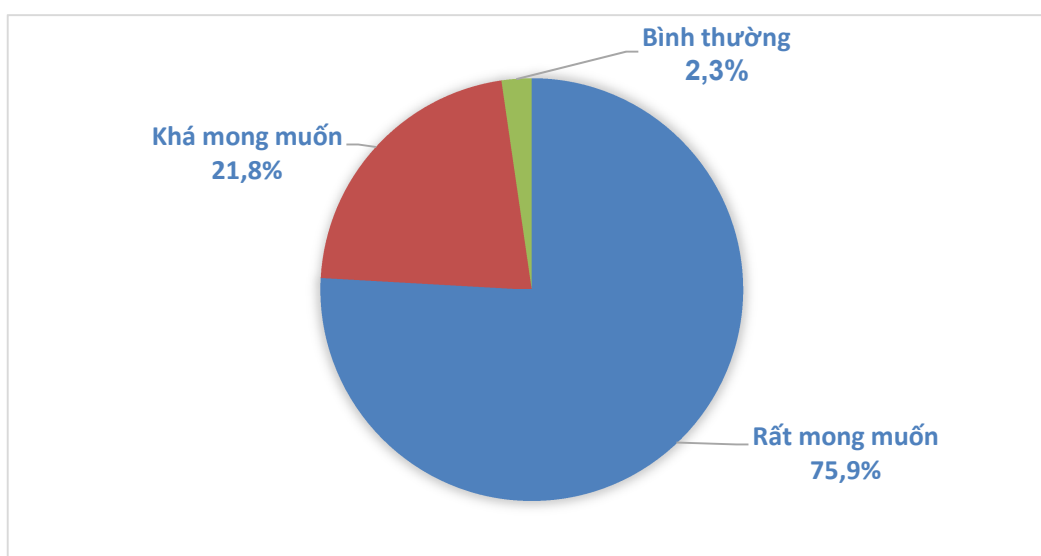
+ Nhận thức của GV về sự cần thiết phải đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, được thể hiện ở Biểu đồ 1.2



Biểu đồ 1.2. Nhận thức của GV về sự cần thiết phải đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học

Kết quả trên cho thấy giáo viên đã đánh giá cao việc cần thiết phải đa dạng hóa hình thức tổ chức hoạt động Khởi động (77%).

+ Mong muốn của GV để việc thiết kế và tổ chức hoạt động Khởi động đạt hiệu quả cao được thể hiện rõ trong biểu đồ 1.3.



Biểu đồ 1.3. Mong muốn được tham khảo tài liệu thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học

Qua biểu đồ 1.3. cho thấy, có 75,9% GV “Rất mong muốn” được tham khảo các tài liệu thiết kế hoạt động Khởi động và 21,8% GV “Khá mong muốn”. Như vậy, nhu cầu được tiếp cận với nguồn tài liệu thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học là rất cao.

1.4.2.2. Kết quả khảo sát thông qua KHBD của GV

Qua việc nghiên cứu 60 KHBD môn Tiếng Việt lớp 3 của GV tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, chúng tôi nhận thấy: Các KHBD của GV đã bám sát vào mục tiêu và nội dung chương trình dạy học. KHBD được cấu trúc theo trình tự các hoạt động dạy học; cách trình bày khoa học, rõ ràng. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như sau: Hầu hết KHBD không trình bày rõ hoạt động Khởi động; nếu có thì đa phần trình bày giống với hướng dẫn trong sách giáo viên, chưa đa dạng về hình thức tổ chức dạy học. Hoạt động Khởi động thường được tổ chức bằng hình thức quan sát tranh và trả lời câu hỏi hoặc HS chia sẻ trải nghiệm thực tế có liên quan đến nội dung bài học.

1.4.2.3. Kết quả khảo sát thông qua phiếu hỏi của học sinh

Bảng 1.3. Kết quả khảo sát HS về hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt lớp 3

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ %
<i>1. Mong muốn tham gia hoạt động Khởi động</i>		
- Rất mong muốn	128	77,6
- Bình thường	32	19,4
- Không mong muốn	5	3
<i>2. Tần suất tham gia hoạt động Khởi động trong môn Tiếng Việt</i>		
- Không bao giờ	30	18,2
- Thi thoảng	64	38,8
- Thường xuyên	50	30,3
- Tất cả các giờ học	6	3,6
- Không nhớ rõ	15	9,1
<i>3. Cảm xúc, thái độ khi được tham gia hoạt động Khởi động trong môn Tiếng Việt</i>		
- Mệt mỏi, nhàm chán	3	1,8
- Căng thẳng, sợ hãi	3	1,8
- Bình thường	36	21,8
- Vui vẻ, thích thú	123	74,5
<i>4. Các hình thức Khởi động HS được tham gia</i>	85	51,5
- Thầy (Cô) nêu câu hỏi, học sinh trả lời	3	1,8
- Xem tranh ảnh	14	8,5
- Xem video	27	16,4
- Múa hát	36	21,8
- Tham gia trò chơi		

<i>5. Hình thức Khởi động mà học sinh thích</i>		
- Trò chơi học tập	74	44,8
- Xem tranh ảnh	4	2,4
- Xem video	32	19,4
- Đóng vai	22	13,3
- Múa hát	15	9,1
- Trả lời câu hỏi của giáo viên	17	10,3

Thông qua kết quả khảo sát của 165 HS, ta thấy đa số các em (chiếm 77,6%) mong muốn được tham gia và có 74,5% HS được khảo sát cảm thấy vui vẻ, thích thú khi tham gia hoạt động Khởi động. Tuy nhiên vẫn có 19,4% HS thấy bình thường và 3% không muốn tham gia, và còn có một số HS cảm thấy mệt mỏi, nhàm chán căng thẳng, sợ hãi. Đó có thể là do khi GV tổ chức hoạt động Khởi động chưa tạo được hứng thú, chưa thích kích thích tư duy của HS.

Tiểu kết chương 1

Qua việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài nghiên cứu, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, thiết kế hoạt động Khởi động môn Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực HS là một vấn đề có ý nghĩa thiết thực.

Thứ hai, qua điều tra, khảo sát thực trạng của việc thiết kế và tổ chức hoạt động Khởi động của GV trong dạy học môn Tiếng Việt, kết quả bước đầu cho thấy các thầy (cô) cũng đã có sự quan tâm và nhận thức nhất định về vấn đề này.

Thứ ba, thông qua kết quả điều tra HS ta thấy được đa số HS mong muốn tham gia hoạt động Khởi động trong giờ học môn Tiếng Việt. HS cũng mong muốn tham gia một số hình thức Khởi động phù hợp, tạo hứng thú cho HS.

Như vậy, những nhận thức cơ bản về hoạt động Khởi động môn Tiếng Việt theo hướng PTNL cho HS nói trên sẽ là cơ sở giúp chúng tôi tiếp tục nghiên cứu quy trình, cách thiết kế hoạt động Khởi động theo hướng PTNL.

Chương 2: THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

2.1. KHÁI QUÁT VỀ THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC

2.1.1. Tầm quan trọng của việc thiết kế hoạt động Khởi động

Khởi động bài học là hoạt động nhằm tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú và khả năng sẵn sàng tham gia vào quá trình học tập tích cực của HS. Hoạt động Khởi động bài học thường chỉ chiếm một vài phút đầu giờ nhưng rất có ý nghĩa trong việc kích hoạt sự tích cực của người học. Hoạt động này tạo ra một không gian học tập với những tác động sư phạm chủ động của GV, thu hút và đưa HS chuẩn bị nhập cuộc vào bài học mới [17, tr.169].

Trong xu thế đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục như hiện nay, hoạt động dạy học được tổ chức ngày càng khoa học và hiệu quả; mỗi bài dạy, tiết dạy đều hướng tới các hoạt động dạy học theo hệ thống logic sáng tạo để phát huy được cao nhất phẩm chất và năng lực người học. Trong đó, hoạt động Khởi động là hoạt động đầu tiên của quá trình dạy học. Một hoạt động Khởi động đạt hiệu quả sẽ mang lại một số ý nghĩa sau:

Thứ nhất, tạo cho HS hứng thú học tập. Hứng thú sẽ tạo sự thích kích thích và bùng nổ trong tư duy của HS, bởi vì khi có hứng thú, HS sẽ chủ động trong học tập, tri thức bên ngoài được chuyển vào bên trong một cách tự nhiên, các em say mê, tìm tòi suy nghĩ về các vấn đề GV đặt ra và háo hức, mong muốn tìm kiếm câu trả lời. Hơn nữa, không phải bất cứ HS nào cũng có sự yêu thích, say mê với môn học, vì vậy hoạt động Khởi động bên cạnh việc khơi gợi hứng thú của HS với bài học, còn khơi dậy niềm đam mê, bồi đắp tình yêu đối với môn học.

Thứ hai, hoạt động Khởi động sẽ huy động vốn tri thức kỹ năng nền tảng của HS. Khởi động bài học tạo tiền đề cho quá trình đó. Quan điểm dạy học kiến tạo đặc biệt chú ý đến việc huy động tri thức, kỹ năng, hệ giá trị nền tảng của bản thân cá nhân người học, tạo tiền đề cho việc tiếp nhận kiến thức mới. Vì

vậy, khởi động bài học hiệu quả sẽ tạo ra cơ hội để HS tự làm sống lại các kiến thức nền HS đã có và cần thiết cho hoạt động học tập bài mới. HS sẽ có cơ hội được ôn lại, được sử dụng kiến thức mình có để kiến tạo, nâng cao, mở rộng, đào sâu thêm. Nhờ đó mà những kiến thức, kỹ năng được hình thành một cách chắc chắn, logic, có hệ thống.

Thứ ba, hoạt động Khởi động sẽ tạo ra những tò mò thậm chí là những mâu thuẫn nhận thức cho người học. Học tập là một quá trình khám phá bắt đầu bằng sự tò mò, nhu cầu được hiểu biết, giải quyết mâu thuẫn giữa điều đã sở hữu trong hành trang cá nhân và điều muốn biết. Một hoạt động Khởi động hiệu quả cần tạo ra và gieo vào tâm hồn học trò mong muốn khám phá bằng hệ thống các hoạt động tiếp nối trong giờ học và nối dài sau mỗi bài học đó. Hoạt động Khởi động không đơn thuần là dẫn vào bài học mới mà là dẫn lối, mở đường cho hành trình khai mở tiềm năng sáng tạo của HS. Đó là một động cơ thôi thúc trò luôn suy nghĩ tích cực và sáng tạo để giải quyết vấn đề là yếu tố quyết định hiệu quả việc học tập. Ở mức độ này, khởi động hàm chứa ý tưởng sư phạm của bài dạy học.

Thứ tư, thông qua hoạt động Khởi động còn góp phần giúp HS thêm tự tin, mạnh dạn và phát triển khả năng giao tiếp và hợp tác.

2.1.2. Yêu cầu của việc thiết kế hoạt động Khởi động

Để hoạt động Khởi động góp phần vào hiệu quả của tiết dạy, người GV cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

Thứ nhất, hoạt động Khởi động cần đảm bảo đúng theo yêu cầu cần đạt của bài học, cần gắn chặt với nội dung cơ bản của bài học. Hoạt động Khởi động để định hướng tư duy cho HS, dẫn dắt giới thiệu vào bài, vì thế cần tránh những nội dung lan man, tạo sự phân tán và làm giảm hiệu quả giờ học.

Thứ hai, hoạt động Khởi động phải phù hợp với trình độ nhận thức của HS, đảm bảo tính vừa sức để HS có thể thực hiện được, đạt được mục tiêu bài học mà GV đề ra. Ngoài ra, GV cũng cần thay đổi linh hoạt hoạt động Khởi động để phù hợp với từng đối tượng HS, tránh việc sử dụng khuôn mẫu, máy móc.

Thứ ba, GV cần đưa ra tình huống có vấn đề, yêu cầu HS phải động não tìm kiếm câu trả lời. Như vậy sẽ tạo sự hấp dẫn, hứng thú cho HS. Các vấn đề, câu hỏi GV đưa ra cần có mức độ nhất định để HS có thể giải quyết, nên tránh các câu hỏi HS không trả lời được hoặc đưa ra nhưng không được giải quyết. Làm như vậy sẽ không phát huy được tính tích cực của HS.

Thứ tư, cần đảm bảo thời gian tổ chức hoạt động Khởi động. Đây là yêu cầu quan trọng đảm bảo tiến trình của giờ học. Thời gian tổ chức hoạt động Khởi động giao động trong khoảng 5 phút, tránh để mất nhiều thời gian, làm ảnh hưởng đến các hoạt động khác của bài học. Hoặc khởi động rất công phu, bài bản nhưng lại không ăn nhập gì với bài học. Mặt khác khởi động quá phân kích cũng làm cho HS khó tập trung trở lại bài học.

Thứ năm, khi tổ chức hoạt động Khởi động, GV cần giữ tâm thế thoải mái tích cực, chủ động. HS có thể phát triển khả năng giao tiếp, hợp tác và phát triển bản thân.

2.1.3. Quy trình thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt

Bước 1: *Xác định mục tiêu của hoạt động Khởi động*. Ở bước này, GV cần xác định mục tiêu khởi động hướng tới là gì? Có thể mục tiêu là tạo tâm thế thoải mái, khơi gợi hứng thú cho học sinh; hay kết hợp ôn tập, củng cố kiến thức của những bài học trước; kích hoạt kiến thức nền của HS, kích thích tư duy, thôi thúc sự tìm tòi, khám phá bài học mới... Việc lựa chọn mục tiêu nào cho hoạt động Khởi động sẽ tùy thuộc vào mỗi GV khi thiết kế.

Bước 2: *Xác định nội dung và hình thức tổ chức hoạt động*. GV căn cứ vào mục tiêu hoạt động, nội dung bài học để thiết kế; đồng thời cần lựa chọn hình thức khởi động phù hợp với nội dung bài học, đặc điểm tâm lí lứa tuổi và năng lực của HS.

Bước 3: *Tiến hành tổ chức*. GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Khởi động, điều phối nội dung và thời gian hoạt động cho phù hợp.

Bước 4: *Đánh giá và chỉnh sửa hoạt động Khởi động*. Thông qua việc tổ chức hoạt động, GV đánh giá kết quả và điều chỉnh, bổ sung (nếu có)

2.2. THIẾT KẾ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

2.2.1. Các hình thức tổ chức hoạt động Khởi động môn Tiếng Việt lớp 3

1) Sử dụng trò chơi học tập

Khi tổ chức HĐKD bằng trò chơi học tập sẽ phát huy tính sáng tạo, hấp dẫn, gây hứng thú cho HS. Qua đó còn giúp HS dễ tiếp thu kiến thức, rèn luyện sự tự tin, khả năng phản xạ nhanh, sáng tạo, nâng cao tinh thần đoàn kết và sự tương tác giữa các HS và GV.

* Các bước thực hiện:

- Bước 1: GV giới thiệu tên trò chơi/mục đích chơi.
- Bước 2: GV phổ biến cách chơi, luật chơi.
- Bước 3: HS thực hiện trò chơi.
- Bước 4: Tổng kết, đánh giá; dẫn dắt vào bài học.

2) Sử dụng tranh ảnh, video – clip

Sử dụng tranh ảnh, video-clip góp phần quan trọng trong việc giúp HS nhớ kỹ, hiểu sâu những kiến thức về các đối tượng. Hình ảnh được thu nhận được bằng trực quan sinh động sẽ được lưu giữ lâu hơn trong trí nhớ. Mặt khác, khi tri nhận đối tượng bằng hình ảnh còn phát triển khả năng quan sát, trí tưởng tượng, tư duy và ngôn ngữ của HS, tạo hứng thú học tập và góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt.

* Các bước thực hiện:

- Bước 1: GV cho HS quan sát tranh ảnh, video-clip liên quan đến nội dung bài học.
- Bước 2: GV nêu câu hỏi về nội dung tranh ảnh/ video-clip để HS suy nghĩ.
- Bước 3: HS trình bày ý kiến.
- Bước 4: Tổng kết, đánh giá; dẫn dắt vào bài học.

3) Hát và vận động theo nhạc

Vận động theo nhạc là hoạt động phối hợp giữa âm nhạc và động tác nhảy múa hoặc sử dụng đồ chơi âm nhạc, gõ đệm theo hát tạo cho con người có được sự cảm nhận về nhịp điệu, góp phần tích cực vào việc phát triển toàn diện nhân cách.

* Các bước thực hiện:

- Bước 1: HS vận động theo nhạc.
- Bước 2: HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc.
- Bước 3: GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học.

4) Sử dụng câu đố

Đối với trẻ thơ, nhất là lứa tuổi HS tiểu học, câu đố có vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng và nâng cao trí tuệ cho các em. Nó như chất men say làm kích thích trí tò mò, khám phá của HS. Có thể nói, câu đố là một phương tiện nhận thức đặc biệt đối với HS tiểu học.

* Các bước thực hiện:

- Bước 1: GV phổ biến cách thực hiện giải câu đố.
- Bước 2: GV nêu câu đố.
- Bước 3: HS giải câu đố.
- Bước 4: GV tổng kết, dẫn dắt vào bài.

5) Học sinh chia sẻ sản phẩm sáng tạo

* Các bước thực hiện:

- Bước 1: GV hướng dẫn HS cách trình bày/báo cáo trước lớp
- Bước 2: HS chia sẻ trước lớp những sản phẩm (vật dụng, tranh vẽ...)

do mình tạo ra.

- Bước 3: HS cả lớp nhận xét, đánh giá
- Bước 4: GV tổng kết, dẫn dắt vào bài.

6) Sử dụng phiếu học tập

Phiếu học tập là một phương tiện dạy học hữu ích, hỗ trợ GV trong việc truyền tải nội dung bài học, giao nhiệm vụ học tập, tăng cường các hoạt động nhận thức, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động của HS. Trong mỗi phiếu học tập có ghi sẵn các thông tin cần thiết để yêu cầu HS phân tích, khai thác kiến thức phục vụ cho bài học. Qua việc hoàn thiện phiếu học tập, HS được rèn luyện các kỹ năng làm việc hợp tác, kỹ năng trình bày, được rèn luyện các thao tác tư duy: phân tích, tổng hợp, so sánh, phản biện...

* Các bước thực hiện:

- Bước 1: GV phổ biến yêu cầu thực hiện phiếu học tập.
- Bước 2: HS thực hiện hoạt động.
- Bước 3: HS báo cáo kết quả.
- Bước 4: GV nhận xét, tổng kết và dẫn dắt vào bài.

2.2.2. Thiết kế một số hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3

Đề tài sử dụng 22 bài để thiết kế hoạt động Khởi động, dựa trên các tiêu chí sau: Phù hợp với hình thức khởi động được lựa chọn; Phân bố đều ở hai tập sách giáo khoa; Bao gồm cả bốn kỹ năng giao tiếp tiếng Việt: Đọc, Viết, Nói và Nghe. Riêng đối với hoạt động Khởi động thông qua sử dụng tranh, ảnh, video-clip và hát - vận động theo nhạc, đề tài chỉ lựa chọn 2-3 bài để thiết kế vì những hình thức này đã được đa số GV sử dụng trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

Bảng 2.1. Danh mục các bài Tiếng Việt sử dụng để thiết kế hoạt động Khởi động

1. SỬ DỤNG TRÒ CHƠI HỌC TẬP			
STT	Tên bài	Kiểu bài	Tập
1	Đi học vui sao	Đọc	1
2	Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động	Luyện tập (LTVC)	1
3	Từ có nghĩa giống nhau, biện pháp so sánh	Luyện tập (LTVC)	2
4	Ôn tập các dấu câu, các kiểu câu	Luyện tập (LTVC)	2
5	Cảnh đẹp đất nước	Nói và nghe	2
2. SỬ DỤNG TRANH ẢNH, VIDEO-CLIP			
5	Cánh rừng trong nắng	Đọc	1
6	Ôn chữ hoa P, Q	Viết	2
3. HÁT VÀ VẬN ĐỘNG THEO NHẠC			
7	Nhật kí tập bơi	Tập đọc	1
8	Từ ngữ chỉ đặc điểm, câu nêu đặc điểm	Luyện tập (LTVC)	1
9	Tới lớp tới trường	Nói và nghe	1
4. SỬ DỤNG PHIẾU HỌC TẬP			
10	Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc	Luyện tập	1

	điêm	(LTVC)	
11	Từ có nghĩa trái ngược nhau	Luyện tập (LTVC)	1
12	Son Tinh, Thủy Tinh	Nói và nghe	2
13	Phân biệt r/d/gi, in/inh	Viết	2
5. SỬ DỤNG CÂU ĐÓ			
14	Tập nấu ăn	Đọc	1
15	Cây Gạo	Đọc	2
16	Sự tích loài hoa mùa hạ	Nói và nghe	1
17	Viết hoa tên riêng địa lý Việt Nam	Viết	2
6. HỌC SINH CHIA SẺ SẢN PHẨM SÁNG TẠO			
18	Người làm đồ chơi	Đọc	1
19	Đất nước là gì?	Đọc	2
20	Ôn tập các dấu câu, các kiểu câu đã học	Luyện tập (LTVC)	2
21	Môi trường của chúng ta	Nói và nghe	2
22	Viết đoạn văn giới thiệu về bản thân	Luyện tập (Viết)	1

2.2.2.1. Sử dụng trò chơi học tập

Bài 9

Đọc: Đi học vui sao

(Nguyễn Anh Xuân)

(Tiếng Việt 3, Tập 1, trang 43)

<p>* Tên trò chơi: Ô cửa bí mật</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích hoạt tư duy, tạo tâm thế thoải mái, khơi gợi sự hứng thú của HS đối với bài học. - HS trả lời được các câu đố về chủ đề thầy cô và mái trường. <p>* Thời gian: 5 phút</p> <p>* PP, KTDH: Trò chơi học tập</p> <p>* PTDH: Máy tính, máy chiếu, PowerPoint trò chơi, ảnh chủ đề “Cổng trường rộng mở”</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
Bước 1: GV giới thiệu trò chơi	- HS tìm hiểu trò chơi

<p>- Tên trò chơi: Ô cửa bí mật</p> <p>- Mục đích: HS mở được 4 ô cửa để tìm ra bức tranh liên quan đến nội dung của bài học mới.</p> <p>Bước 2: Phổ biến cách chơi và luật chơi</p> <p>- Cách chơi:</p> <p>+ Trò chơi gồm 4 ô cửa bí mật, mỗi ô cửa ẩn chứa một phần của bức tranh liên quan đến nội dung của bài học mới.</p> <p>+ HS được lựa chọn ô cửa bất kì và trả lời câu đố. Mỗi câu trả lời đúng thì ô cửa sẽ được mở ra.</p> <p>- Luật chơi: Người chơi phải đưa ra câu trả lời trong 5 giây. Nếu quá thời gian hoặc trả lời sai thì phải nhường quyền trả lời cho bạn khác.</p> <p>Bước 3: HS thực hiện trò chơi</p> <p>- GV điều khiển trò chơi, quan sát lớp:</p> <p>+ Ô cửa số 1:</p> <p style="text-align: center;"><i>Da trắng muốt, ruột trắng tinh.</i> <i>Bạn với học sinh, thích cọ đầu vào bảng.</i> (Là cái gì?)</p> <p>+ Ô cửa số 2:</p> <p style="text-align: center;"><i>Ai là người đến lớp</i> <i>Chăm chỉ mỗi sớm chiều</i> <i>Dạy bảo con mọi điều</i> <i>Cho con thêm khôn lớn</i> (Là ai?)</p>	<p>- HS tìm hiểu cách chơi</p> <p>- HS tham gia chơi</p> <p>+ HS trả lời: Phần viết bảng</p> <p>+ HS trả lời: Thầy giáo, cô giáo</p>
--	--

<p>+ Ô cửa số 3:</p> <p style="text-align: center;"><i>Đầu đuôi vuông vẫn như nhau</i> <i>Thân chia nhiều đốt rất mau rất đều</i> <i>Tính tình chân thực đáng yêu</i> <i>Muốn biết dài ngắn, mọi điều, có em</i></p> <p style="text-align: right;">(Là cái gì)</p> <p>+ Ô cửa số 4:</p> <p style="text-align: center;"><i>Đi học lóc cóc theo cùng</i> <i>Khi về lại bắt khom lưng công về?</i></p> <p style="text-align: right;">(Là cái gì?)</p> <p>- Trả lời đúng 4 câu hỏi ô của bí mật mở ra bức tranh chủ đề “Công trường rộng mở”</p> <p>- GV: Bức tranh vẽ hình ảnh gì? / Khi ngắm bức tranh, em có cảm xúc gì? / Bức tranh gợi cho em suy nghĩ gì?</p> <p>Bước 4: Tổng kết, đánh giá</p> <p>- GV nhận xét hoạt động.</p> <p>- Dẫn dắt giới thiệu bài mới</p>	<p>+ HS trả lời: Cái thước kẻ</p> <p>+ HS trả lời: Cái cặp sách</p> <p>- HS chia sẻ: Bức tranh vẽ bạn HS đang rất vui vẻ cặp sách đến trường. Đồng hành với bạn là cặp sách, bút, thước kẻ, tẩy. Bức tranh đó cho em thấy được cảm giác vui vẻ, thích thú khi được đi học, ...</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS ghi tên bài vào vở</p>
--	---

Bài 2

Luyện tập: Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động;

Câu giới thiệu, câu nêu hoạt động

(Tiếng Việt 3, Tập 1, trang 14)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Kích hoạt tư duy, tạo tâm thế thoải mái, khơi gợi sự hứng thú của HS đối với bài học.- HS nêu được một số hoạt động và mô phỏng lại các hoạt động đó bằng ngôn ngữ cơ thể phù hợp. <p>* Thời gian: 5 phút</p> <p>* PP, KTDH: Trò chơi học tập</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>Bước 1: GV giới thiệu trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên trò chơi: Bạn đang làm gì đấy?- Mục đích, ý nghĩa: HS nêu được những hoạt động và sử dụng ngôn ngữ cơ thể để mô phỏng lại hoạt động đó. <p>Bước 2: Phổ biến cách chơi, luật chơi</p> <ul style="list-style-type: none">- Cách chơi: + Một bạn sẽ hỏi “Bạn đang làm gì đấy?” và một bạn sẽ trả lời “Tôi đang làm ...” (nêu tên hoạt động bất kì, ví dụ: chải tóc, hát, múa, ăn cơm...). Sau đó bạn hỏi phải mô phỏng/điển tả lại hoạt động đó bằng ngôn ngữ cơ thể cho phù hợp cho đến khi một bạn khác hỏi lại (nếu mô phỏng đúng hành động,	<ul style="list-style-type: none">- HS tìm hiểu trò chơi - HS tìm hiểu về cách chơi

<p>GV sẽ chỉ định HS khác hỏi. Cứ thế tiếp tục cho đến người chơi cuối (5-7 HS tham gia).</p> <p>- Luật chơi:</p> <p>+ Chỉ nêu các hoạt động, việc làm phù hợp, đảm bảo tính văn minh, lịch sự và người chơi có thể đứng tại chỗ để thực hiện.</p> <p>+ Người chơi sau không được ra trùng câu trả lời của người chơi trước.</p> <p>+ Sau thời gian 3 giây, nếu không nêu được tên hoạt động hoặc không mô phỏng chính xác hoạt động sẽ bị thua cuộc. Người thua cuộc sẽ phải chịu hình phạt mà GV yêu cầu).</p> <p>Bước 3: Thực hiện trò chơi</p> <p>- GV cử số HS tham gia, quản trò hoặc trọng tài.</p> <p>- GV tổ chức cho HS chơi thử (1-2 lượt)</p> <p>- HS thực hiện trò chơi. GV quan sát, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 4: Tổng kết đánh giá</p> <p>- Công bố kết quả chơi.</p> <p>- HS phát biểu cảm nhận về trò chơi, bài học rút ra sau trò chơi.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>- HS ghi tên bài vào vở</p>
---	--

<p>Bước 3: Thực hiện trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 4 - 5 HS thực hiện trò chơi <p>Bước 4: Tổng kết đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng kết, đánh giá hoạt động. - GV dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS bốc thăm và tìm từ theo yêu cầu + <i>chăm chỉ</i>: siêng năng, cần cù, chịu khó, ... + <i>trung thực</i>: thật thà, chân thật, ... + <i>mênh mông</i>: bát ngát, rộng lớn, ... <ul style="list-style-type: none"> - HS ghi tên bài vào vở
---	--

Bài 28
Luyện tập: Ôn tập các dấu câu, các kiểu câu đã học
(Tiếng Việt 3, Tập 2, trang 124)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích hoạt tư duy, tạo tâm thế thoải mái, khơi gợi sự hứng thú của HS đối với bài học. - HS tìm được các từ khóa ẩn chứa trong ô chữ <p>* Thời gian: 5 phút</p> <p>* PP, KTDH: Trò chơi học tập</p> <p>* PTDH: Bảng ma trận chữ</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>Bước 1: GV giới thiệu trò chơi, phổ biến cách chơi, luật chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên trò chơi: Ong tìm chữ - Mục đích, ý nghĩa: HS tìm được các từ khóa trong bảng ma trận chữ. - Cách chơi: + Có 7 từ ngữ được sắp xếp ngẫu nhiên theo hàng dọc, hàng ngang, hàng chéo 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tìm hiểu trò chơi

trong bảng ma trận chữ.

+ Người chơi tô màu hoặc khoanh vào các từ ngữ tìm được.

- Luật chơi: Trong thời gian 3 phút, đội nào tìm được nhiều đáp án đúng nhất sẽ là đội thắng cuộc.

Bước 2: Thực hiện trò chơi

- GV chia lớp thành các nhóm (4HS/nhóm), phát cho mỗi nhóm một phiếu ô chữ

Ông tìm chữ

A	Q	B	O	I	Y	F	Q	G	N	W	Q
E	Z	I	U	W	I	E	P	R	A	D	Y
I	W	O	C	Â	U	C	Ả	M	H	Ấ	J
K	X	T	C	Â	U	K	Ê	V	T	U	L
H	M	T	Â	J	N	Z	W	D	M	C	F
R	U	Z	U	I	F	U	Z	Ấ	Ấ	H	V
G	V	F	K	Ổ	D	U	X	U	H	Ấ	U
N	F	X	H	H	C	T	D	H	C	M	P
X	X	Q	I	U	I	W	B	Ổ	U	G	J
H	T	E	Ê	Â	N	V	O	I	Ấ	D	T
I	M	C	N	C	Y	I	J	C	D	R	M
O	U	Z	H	T	S	G	W	T	M	C	I

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

- HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Tổng kết, đánh giá

- GV tổng kết, mở rộng thêm.

- GV dẫn dắt vào bài mới.

- HS thực hiện trò chơi

- HS nêu kết quả: dấu chấm than, dấu chấm, dấu phẩy, dấu hỏi chấm, câu cảm, câu kể, câu khiến.

- HS ghi tên bài vào vở

Bài 18

Nói và nghe: Cảnh đẹp đất nước

(Tiếng Việt 3, Tập 2, trang 81)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Kích hoạt tư duy, tạo tâm thế thoải mái, khơi gợi sự hứng thú của HS đối với bài học.- HS kể tên các danh lam thắng cảnh của đất nước Việt Nam. <p>* Thời gian: 5 phút</p> <p>* PP, KTDH: Trò chơi học tập, Thảo luận nhóm</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>Bước 1: GV giới thiệu trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên trò chơi: Ai nhanh ai đúng?- Mục đích, ý nghĩa: HS kể tên các cảnh đẹp của đất nước Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none">- HS tìm hiểu trò chơi
<p>Bước 2: Phổ biến cách chơi, luật chơi</p> <ul style="list-style-type: none">- Cách chơi: Chia lớp thành 3 đội (mỗi tổ là một đội). Từng đội luân phiên kể tên các cảnh đẹp của đất nước.- Luật chơi: thời gian tối đa để đưa ra câu trả lời là 5 giây, nếu quá thời hạn mà không trả lời được sẽ bị thua cuộc; các đáp án không được trùng nhau.	<ul style="list-style-type: none">- HS tìm hiểu cách chơi
<p>Bước 3: Thực hiện trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS thực hiện trò chơi	<ul style="list-style-type: none">- HS thực hiện trò chơi+ Đội 1: Vịnh Hạ Long+ Đội 2: Cát Bà+ Đội 3: Tràng An

<p>Bước 4: Tổng kết đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV và cả lớp nhận xét, tổng kết trò chơi. - GV dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS ghi tên bài vào vở
--	---

2.2.2.2. Sử dụng tranh ảnh, video - clip

Bài 3

Độc: Cánh rừng trong nắng

(Vũ Hùng)

(Tiếng Việt 3, Tập 1, trang 17)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích hoạt tư duy, tạo tâm thế thoải mái, khơi gợi sự hứng thú của HS đối với bài học. - HS chia sẻ những điều mình cảm nhận được khi nghe bản âm thanh về núi rừng. <p>* Thời gian: 3 phút</p> <p>* PP, KTDH: Trực quan, Vấn đáp</p> <p>* PTDH: Máy tính, máy chiếu, bản âm thanh về thiên nhiên núi rừng</p> <p>https://www.youtube.com/watch?v=ld2S870Btgw</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS nghe bản âm thanh (2 phút) - Yêu cầu HS nhắm mắt, nghe và tưởng tượng về khung cảnh thiên nhiên được hiện lên từ bản âm thanh nghe được. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ về những điều mình cảm nhận được thông qua một số câu hỏi 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện hoạt động - HS trả lời:

<p>gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Em nghe thấy những âm thanh gì? Ở đâu? + Trong tưởng tượng của em, đó là khung cảnh như thế nào? + Khung cảnh ấy gợi cho em cảm xúc gì? <p>Bước 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét về hoạt động. - GV dẫn dắt vào bài. 	<ul style="list-style-type: none"> + Âm thanh tiếng chim hót, tiếng suối chảy róc rách, tiếng gió rì rào, ... + Cảnh núi rừng hùng vĩ, hoang sơ... + Cảm thấy thích thú, yên bình... <p>- HS ghi tên bài vào vở</p>
--	--

Bài 6

Viết: Ôn chữ hoa P, Q

(Tiếng Việt 3, Tập 2, trang 28)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích hoạt tư duy, tạo tâm thế thoải mái, khơi gợi sự hứng thú của HS đối với bài học. - HS cảm nhận và chia sẻ được vẻ đẹp đặc trưng của đảo Phú Quốc, Việt Nam. <p>* Thời gian: 3 phút</p> <p>* PP, KTDH: Trực quan, Vấn đáp</p> <p>* PTDH: Máy tính, máy chiếu, video Phú Quốc</p> <p>https://www.youtube.com/watch?v=VmCBXZdngQg&t=26s</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS xem video về Phú Quốc. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 2-3 HS chia sẻ cảm nghĩ của mình về đảo Phú Quốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS xem video - HS chia sẻ: Biển đảo Phú Quốc rất đẹp, nước biển trong xanh, khu vui

<p>Bước 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV và cả lớp nhận xét, bổ sung. - Từ cách viết hoa tên riêng “Phú Quốc”, GV dẫn dắt vào bài mới. 	<p>chơi hấp dẫn, khu nghỉ dưỡng sang trọng, có nhiều hoạt động giải trí...</p> <p>- HS ghi tên bài vào vở</p>
---	---

2.2.2.3. *Hát và vận động theo nhạc*

Bài 5

Độc: Nhật kí tập bơi

(Nguyễn Ngọc Mai Chi)

(Tiếng Việt 3, Tập 1, trang 26)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo tâm thế thoải mái, khơi gợi sự hứng thú của HS đối với bài học. - HS hát và thực hiện các động tác khởi động trước khi tập bơi. <p>* Thời gian: 3 phút</p> <p>* PTDH: Máy tính, máy chiếu, video nhạc bài <i>Dạy bé tập bơi</i> https://www.youtube.com/watch?v=vIcomw8dBrl</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV trình chiếu video - GV và cả lớp cùng nhảy theo nhạc (thực hiện 1-2 lượt) - GV nhận xét hoạt động - GV gọi 2-3 HS chia sẻ về việc tập bơi của bản thân và nêu ý nghĩa của hoạt động bơi lội. - GV dẫn dắt, kết nối vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS chia sẻ - HS ghi tên bài vào vở

Bài 4

Luyện tập: Từ ngữ chỉ đặc điểm, Câu nêu đặc điểm

(Tiếng Việt 3, Tập 1, trang 23)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào tiết học.- HS ghi nhớ được những chi tiết, đặc điểm cơ bản của một số con vật. <p>* Thời gian: 5-7 phút</p> <p>* PTDH: Máy tính, máy chiếu, video bài “Đi sở thú” https://www.youtube.com/watch?v=sq0k_eKdnbo</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<ul style="list-style-type: none">- GV trình chiếu video- GV và cả lớp cùng hát và vận động theo nhạc (thực hiện 1-2 lượt)- GV gọi 2-3 HS nói tên các con vật xuất hiện trong lời bài hát và chỉ ra những đặc điểm nổi bật về chúng.	<ul style="list-style-type: none">- HS thực hiện- HS chia sẻ:<ul style="list-style-type: none">+ Bài hát có con voi, con chuột túi, con cá heo, con công, ...+ Con voi có cái vòi đung đưa thật dễ thương.+ Con chuột túi màu nâu bọc con trong cái túi xinh.+ Con công có bộ lông nhiều màu sắc, ...
<ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét và dẫn vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- HS ghi tên bài vào vở

Bài 9

Nói và nghe: Tới lớp, tới trường

(Tiếng Việt 3, Tập 1, trang 44)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào tiết học.- HS nêu được nội dung chính của bài hát; cảm xúc của bản thân về bài hát. <p>* Thời gian: 5 phút</p> <p>* PTDH: Máy tính, máy chiếu, video bài “Vui đến trường” https://www.youtube.com/watch?v=Mfvgs7aG8Hs</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<ul style="list-style-type: none">- GV trình chiếu video, tổ chức cho HS hát và vận động theo bài “Vui đến trường” (Nhạc sĩ Nguyễn Văn Chung)- GV nêu câu hỏi:<ul style="list-style-type: none">+ Khi đến trường, các bạn nhỏ trong bài hát cảm thấy như thế nào?+ Điều gì đã mang lại niềm vui cho các bạn nhỏ?- GV gọi 2-3 HS chia sẻ về những điều mà các em thấy thú vị nhất khi được đến trường- GV dẫn vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- HS cả lớp cùng hát và nhảy theo nhạc- HS trả lời:<ul style="list-style-type: none">+ Khi đến trường, các bạn nhỏ cảm thấy vui.+ Các bạn vui vì được nhìn ngắm cảnh đẹp trên đường đến trường; được học nhiều bài học hay; được vui chơi với bạn bè...- HS chia sẻ- HS ghi tên bài vào vở

2.2.2.4. Sử dụng câu đố

Bài 3

Nói và nghe: Kể chuyện Sự tích loài hoa của mùa hạ

(Tiếng Việt 3, Tập 1, trang 19)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào bài học.- HS nêu tên các loài hoa phù hợp với câu đố. <p>* Thời gian: 5 phút</p> <p>* PP, KTDH: Vấn đáp, động não</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<p>- GV nêu câu đố và lần lượt gọi HS trả lời</p> <p>Câu 1:</p> <p><i>Hoa gì tươi thắm sắc vàng</i> <i>Cánh dài mà nở muôn màng vào thu ?</i></p> <p>(Là hoa gì?)</p> <p>Câu 2:</p> <p><i>Hoa gì nhỏ nhỏ</i> <i>Cánh màu hồng tươi</i> <i>Hễ thấy hoa cười</i> <i>Đúng là Tết đến?</i></p> <p>(Là hoa gì?)</p> <p>Câu 3:</p> <p><i>Cánh vàng, nhị lớn</i> <i>Quay hướng mặt trời</i> <i>Hạt thơm béo ngậy</i> <i>Mời bạn thử xơi</i></p> <p>(Là hoa gì?)</p> <p>Câu 4:</p>	<p>- HS trả lời: Hoa cúc vàng</p> <p>- HS trả lời: Hoa đào</p> <p>- HS trả lời: Hoa hướng dương</p>

<p><i>Thấy rỗng mà chẳng thấy tiên</i> <i>Tường rỗng bay lại nằm trên đỉnh tường</i> <i>Có da, cũng lại có xương</i> <i>Mấy cái vuốt nhỏ giương giương dọa người?</i></p> <p>(Là cây gì?)</p> <p>- GV nhận xét hoạt động, dẫn vào bài mới.</p>	<p>- HS trả lời: Cây xương rồng</p> <p>- HS ghi tên bài vào vở</p>
---	--

Bài 6: Đọc: Tập nấu ăn

(Trung Sơn)

(Tiếng Việt 3, Tập 1, trang 30)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào tiết học. - HS nói được tên các dụng cụ làm bếp tương ứng với câu đố. <p>* Thời gian: 5 phút</p> <p>* PP, KTDH: Vấn đáp, Động não</p> <p>* PTDH: Máy tính, máy chiếu, hình ảnh các đồ dùng nhà bếp thông dụng</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<p>- GV nêu câu đố và lần lượt gọi HS trả lời</p> <p>- Mỗi HS trả lời đúng sẽ được phần thưởng là 1 sticker.</p> <p>Câu 1:</p> <p style="text-align: center;"><i>Cái gì thường chấp thành đôi</i> <i>Bé so mỗi bữa khi ngòì vào mâm?</i></p> <p style="text-align: center;">(Là cái gì?)</p> <p>Câu 2:</p> <p style="text-align: center;"><i>Có lưỡi mà chẳng có răng</i> <i>Thứ mềm vật rắn, nhai bằng sá gì</i></p>	<p>- HS trả lời: Đôi đũa</p>

<p><i>Nhai rồi chẳng nuốt tí tí</i> <i>Nhường trao bạn hết, ngủ khi giá cao</i> (Là cái gì?)</p> <p>Câu 3: <i>Miệng tròn, lòng trắng phau phau</i> <i>Đựng cơm, đựng thịt, đựng rau</i> <i>hàng ngày</i> (Là những thứ gì?)</p> <p>- GV nhận xét, kết nối vào bài mới.</p>	<p>- HS trả lời: Con dao</p> <p>- HS trả lời: Bát, đĩa</p> <p>- HS ghi tên bài vào vở</p>
---	---

Bài 6

Đọc: Cây gạo

(Vũ Tú Nam)

(Tiếng Việt 3, Tập 2, trang 27)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào tiết học. - HS nêu được tên các loại cây phù hợp với câu đố. <p>* Thời gian: 5 phút</p> <p>* PP, KTDH: Vấn đáp, Động não</p> <p>* PTDH: Máy tính, máy chiếu, hình ảnh cây bưởi, cây tre, cây gạo, cây chuối.</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu đố và lần lượt gọi HS trả lời - Mỗi HS trả lời đúng sẽ được phần thưởng là 1 sticker. <p>Câu 1: <i>Thân nhiều gai nhọn</i></p>	

<p><i>Hoa trắng ngát thơm</i> <i>Cành trĩu quả tròn</i> <i>Mang đầy mùi ngọt</i></p> <p>(Là cây gì?)</p>	<p>- HS trả lời: Cây bưởi</p>
<p>Câu 2:</p> <p><i>Thân cao, nhiều đốt</i> <i>Mọc chụm thành bờ</i> <i>Lá nhỏ cành thưa</i> <i>Đu đưa trong gió</i></p> <p>(Là cây gì?)</p>	<p>- HS trả lời: Cây tre</p>
<p>Câu 3:</p> <p><i>Cây gì áo kép, áo đơn</i> <i>Lá như những cánh bướm con xanh rờn</i> <i>Hoa thì chon chót màu son</i> <i>Trái thì trăm ngón tay thon xếp hàng.</i></p> <p>(Là cây gì?)</p>	<p>- HS trả lời: Cây chuối</p>
<p>Câu 4:</p> <p><i>Hoa bùng nổ đỏ cành cao</i> <i>Quả chín nứt vỏ, bông chào gió bay</i></p> <p>(Là cây gì?)</p> <p>- GV tổng kết, dẫn dắt vào bài</p>	<p>- HS trả lời: Cây gạo (HS có thể không trả lời được, GV dẫn dắt gợi mở để HS tìm được đáp án)</p> <p>- HS ghi tên bài vào vở.</p>

Bài 19
Viết: Viết hoa tên riêng địa lý Việt Nam
(Tiếng Việt 3, Tập 2, trang 26)

*** Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào tiết học.
- HS kể tên các tỉnh tương ứng với câu đố.

*** Thời gian:** 5 phút

<p>* PP, KTDH: Vấn đáp, Động não, Thảo luận nhóm</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chia lớp thành các nhóm (4HS/nhóm) và phát cho mỗi nhóm một phiếu ghi câu đố.</p> <p style="text-align: center;"><i>Tên Giang mà chẳng phải sông Đây tên năm tỉnh, ai thông đáp liền Em ngoan thi với bạn hiền Đáp nhanh đáp đúng, ưu tiên thưởng quà (Là những tỉnh nào?)</i></p> <p>- Yêu cầu HS thảo luận nhóm (3 phút) tìm tên các tỉnh được nêu trong câu đố.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- GV gọi đại diện 2-3 nhóm trình bày kết quả</p> <p>Bước 4: Nhận xét, tổng kết</p> <p>- GV và cả lớp nhận xét, chốt đáp án đúng</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thảo luận, ghi đáp án vào giấy</p> <p>HS chia sẻ kết quả: + Hà Giang, Bắc Giang, An Giang, Tiền Giang, Kiên Giang.</p> <p>- HS ghi tên bài vào vở</p>

2.2.2.5. Học sinh chia sẻ sản phẩm sáng tạo

Bài 31

Độc: Người làm đồ chơi

(Tiếng Việt 3, Tập 1, trang 137)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào tiết học.- Phát triển năng lực tư duy sáng tạo, rèn luyện tính tỉ mỉ, khéo léo cho HS.- HS tạo hình con vật bằng đất nặn. <p>* Thời gian: 5 phút</p> <p>* PP, KTDH: Thực hành</p> <p>* PTDH:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV: Máy tính, máy chiếu, bức tranh nặn tò he, đất nặn.- HS: Tạo hình một số con vật bằng đất nặn (làm trước ở nhà) <p>* Cách tiến hành</p>	
<p>Bước 1: HS chia sẻ sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none">- GV mời 3-4 HS chia sẻ sản phẩm với cả lớp	<ul style="list-style-type: none">- HS chia sẻ với cả lớp về con vật bằng đất nặn của mình
<p>Bước 2: Nhận xét, đánh giá</p>	<ul style="list-style-type: none">- HS nhận xét
<p>Bước 3: GV tổng kết và dẫn dắt vào bài mới</p>	<ul style="list-style-type: none">- HS ghi tên bài vào vở.

Bài 17
Đọc: Đất nước là gì?

(Huỳnh Mai Liên)

(Tiếng Việt 3, Tập 2, trang 80)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào tiết học.- HS vẽ tranh về quê hương, đất nước.- Phát triển năng lực tư duy, sáng tạo; bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước. <p>* Thời gian: 7 phút</p> <p>* PTDH: Tranh HS vẽ về quê hương, đất nước (thực hiện trước ở nhà)</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV mời 3-4 HS chia sẻ trước lớp về bức vẽ của mình. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức nhận xét và bình chọn bức tranh đẹp nhất. <p>Bước 3: GV nhận xét, tổng kết và dẫn dắt vào bài</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét, kết nối dẫn dắt vào bài.	<ul style="list-style-type: none">- HS dán tranh lên bảng lớp và giới thiệu về bức tranh (Vẽ cảnh gì? Ý nghĩa gì?)- HS nhận xét và lựa chọn bức tranh đẹp- HS ghi tên bài vào vở

Bài 28

Luyện tập: Ôn tập các dấu câu, các kiểu câu đã học

(Tiếng Việt 3, Tập 2, trang 124)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào tiết học.- Phát triển năng lực tư duy sáng tạo.
--

- HS vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức về các dấu câu.

* **Thời gian:** 5 phút

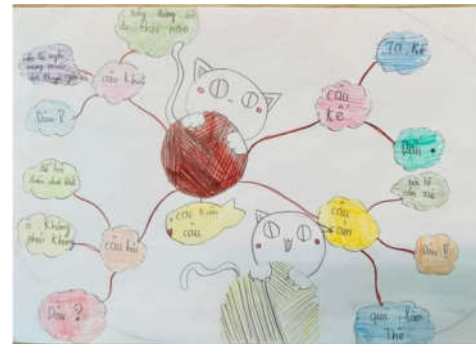
* **PP, KTDH:** HS vẽ sơ đồ tư duy vào giấy A4 (thực hiện trước ở nhà)

* **Cách tiến hành**

Bước 1: HS chia sẻ sản phẩm

- GV mời 3-4 HS chia sẻ sản phẩm với cả lớp.

+ HS dán sơ đồ lên bảng lớp và trình bày nội dung sơ đồ cho cả lớp hiểu



Bước 2: Nhận xét, tổng kết

- GV và cả lớp nhận xét

- GV kết luận về cách trình bày sơ đồ tư duy.

+ HS nhận xét

- HS lắng nghe

Bước 3: GV dẫn dắt vào bài mới

- HS ghi tên bài vào vở

Bài 27

Nói và nghe: Môi trường của chúng ta

(Tiếng Việt 3, Tập 2, trang 120)

* **Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào tiết học.

- Phát triển năng lực tư duy sáng tạo, năng lực thẩm mỹ. Góp phần giáo dục ý thức bảo vệ môi trường.

- HS làm được một số đồ dùng từ vật liệu tái chế

* **Thời gian:** 5 phút

<p>* PTDH: HS làm đồ dùng từ vật liệu tái chế (thực hiện trước ở nhà)</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<p>Bước 1: HS chia sẻ sản phẩm</p> <p>- GV mời 3-4 HS chia sẻ sản phẩm với cả lớp.</p>	<p>- HS chia sẻ (Sản phẩm đó là gì? Em đã tái chế từ sản phẩm gì? Tác dụng của sản phẩm mà HS đã làm.)</p> <p>- Ví dụ: Lọ hoa làm từ vỏ chai, lọ, bìa; Hộp bút làm từ vỏ chai và giấy màu, ...</p> <p>+ HS nhận xét</p>
<p>Bước 2: Nhận xét, tổng kết</p> <p>- GV và cả lớp nhận xét</p> <p>- GV kết luận, biểu dương HS</p>	
<p>Bước 3: GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS ghi tên bài vào vở</p>

Bài 14

Viết: Viết đoạn văn giới thiệu về bản thân

(Tiếng Việt 3, Tập 1, trang 64)

<p>* Mục tiêu:</p> <p>- Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào tiết học.</p> <p>- HS chia sẻ Poster giới thiệu bản thân.</p> <p>* Thời gian: 5 phút</p> <p>* Chuẩn bị: HS vẽ Poster giới thiệu về bản thân mình (thực hiện trước ở nhà)</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<p>Bước 1: HS chia sẻ sản phẩm</p> <p>- GV gọi 3-4 HS chia sẻ trước lớp về Poster của mình. Nêu những điểm nổi bật của bản thân</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- Dán sản phẩm lên bảng cho cả lớp quan sát, giới thiệu nội dung của Poster:</p> <p>+ Tớ tên là A, tớ có sở thích là đọc sách xem ti vi. Điểm nổi bật của tớ là</p>

<p>Bước 2: Nhận xét, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV và cả lớp nhận xét, bổ sung - GV biểu dương HS tiêu biểu. <p>Bước 3: GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>rất tích cực tham gia các hoạt động, ...</p>  <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét - HS lắng nghe - HS ghi tên bài vào vở
---	---

2.2.2.6. Sử dụng phiếu học tập

Bài 10

Luyện tập: Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm

(Tiếng Việt 3, Tập 1, trang 23)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào bài học. - HS xác định được các từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm <p>* Thời gian: 5 phút</p> <p>* PP, KTDH: Thảo luận nhóm</p> <p>* PTDH: Phiếu học tập; bút màu.</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành các nhóm (4HS/nhóm). - Phát phiếu học tập cho các nhóm và hướng dẫn cách thực hiện: tô màu vàng vào các từ chỉ sự vật, tô màu xanh vào các từ chỉ hoạt 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe

động, tô màu đỏ vào các từ chỉ đặc điểm.

PHIẾU BÀI TẬP

Họ và tên:.....
 Lớp: 3....
 Thứ.....ngày...../...../20...

Điểm	Nhận xét của giáo viên
------	------------------------

Hướng dẫn Em hãy tô màu:

Từ chỉ sự vật	Từ chỉ hoạt động	Từ chỉ đặc điểm
Vàng	Xanh	Đỏ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập (3 phút)

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả

- HS thực hiện yêu cầu

- HS chia sẻ kết quả:

+ Tô màu vàng vào các hình có từ *bút mực, sách vở, cặp sách, lá cờ, gà mái, chiếu thìa.*

+ Tô màu xanh vào các từ *đi bộ, học bài, đá bóng, chạy, nhảy nhót.*

+ Tô màu đỏ vào các từ *cao vút, rì rào, cứng, nhọn hoắt, trắng tinh.*

+ HS nhận xét

<p>Bước 4: Nhận xét, kết luận và dẫn dắt vào bài học</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV và cả lớp nhận xét - GV chốt đáp án đúng. - GV dẫn dắt vào bài học 	<ul style="list-style-type: none"> - HS ghi tên bài vào vở.
---	--

Bài 26

Luyện tập: Từ có nghĩa trái ngược nhau; Câu khiến

(Tiếng Việt 3, Tập 1, trang 118)

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào bài học. - HS hoàn thiện được các câu tục ngữ và chỉ ra được các từ có nghĩa trái ngược nhau. <p>* Thời gian: 5 phút</p> <p>* PP, KTDH: Luyện tập thực hành</p> <p>* PTDH: Phiếu học tập</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành các nhóm (4HS/nhóm). - Phát phiếu học tập cho các nhóm và hướng dẫn cách thực hiện: HS điền các từ còn thiếu để hoàn thành đúng các câu tục ngữ và chỉ ra được các từ có nghĩa trái ngược nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe

PHIẾU HỌC TẬP

Em hãy điền từ còn thiếu để hoàn thành câu ca dao, tục ngữ sau

1. Lá lành đùm lá
2. Kính trên nhường
3. Ba bảy nổi
4. Thất bại là mẹ
5. Chết vinh còn hơn nhục

Các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau là:

.....
.....

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát hỗ trợ HS

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời một số nhóm chia sẻ

Bước 4: Nhận xét, kết luận và dẫn dắt vào bài học

- GV và cả lớp nhận xét
- GV chốt đáp án đúng.
- GV dẫn dắt vào bài học

- HS chia sẻ

1. Lá lành đùm lá **rách**
2. Kính trên nhường **dưới**
3. Ba **chìm** bảy nổi
4. Thất bại là mẹ **thành công**
5. Chết vinh còn hơn **sống** nhục

Các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau là: lành – rách; trên – dưới; chìm – nổi; thất bại – thành công; chết – sống.

- + HS nhận xét

- HS ghi tên bài vào vở

Bài 19

Nói và nghe: Kể chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh

(Tiếng Việt 3, Tập 2, trang 89)

*** Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào bài học.
- HS trình bày được những điều đã biết và muốn biết thêm về truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*.

*** Thời gian:** 5 phút

*** PP, KTDH:** Phiếu KWL

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- GV phát phiếu KWL cho HS. Trên bảng lớp vẽ/dán một phiếu tương tự (khô lớn).
- Yêu cầu HS ghi những điều đã biết về truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* vào cột K (ghi ý chính/từ khoá) và những điều muốn biết thêm về câu chuyện vào cột W (ghi dưới dạng câu hỏi)
(Cột L – những điều đã học được – HS sẽ điền vào sau khi học xong bài mới)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát, hướng dẫn HS ghi phiếu

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV gọi một số HS trình bày những điều đã biết/muốn biết về bài học (GV khuyến khích HS giải thích)
- GV hỏi xem HS muốn biết thêm điều gì về Sơn Tinh, Thủy Tinh?

- HS ghi những điều đã biết vào cột K, những điều muốn biết vào cột W

- Ví dụ:

K	W	L
- Sơn Tinh là thần núi,	- Nhân vật Sơn Tinh,	

<p>- GV ghi tóm tắt trên bảng lớp.</p>	<p>Thủy Tinh là thần biển - Hai người đều muốn làm rể vua Hùng - Sơn Tinh đã mang sính lễ đến trước, rước được My Nương...</p>	<p>Thủy Tinh có thật không? - Tại sao nhà vua chỉ yêu cầu những sính lễ có ở trên cạn mà không có ở dưới nước? ...</p>	
<p>Bước 4: Nhận xét, kết luận</p> <p>- GV và cả lớp nhận xét, bổ sung. - Từ những điều mà HS muốn biết (cột W), GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS ghi tên tài vào vở</p>		

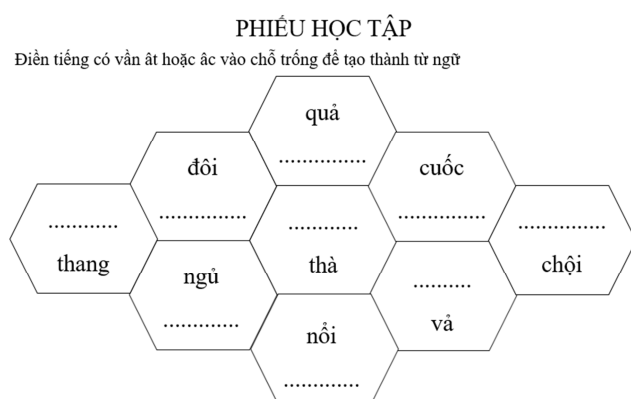
Bài 7

Viết: Phân biệt r/d/gi, in/inh

(Tiếng Việt 3, Tập 2, trang 34)

<p>* Mục tiêu:</p> <p>- Tạo tâm thế, khơi gợi hứng thú cho HS trước khi vào bài học. - HS tìm được các từ có vần <i>ât, âc</i>.</p> <p>* Thời gian: 5 phút</p> <p>* PP, KTDH: Luyện tập thực hành</p> <p>* PTDH: Phiếu học tập</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ</p>	<p>- HS lắng nghe</p>

- GV chia lớp thành các nhóm (2HS/nhóm).
- Phát phiếu học tập cho các nhóm và hướng dẫn cách thực hiện: Điền tiếng có vần ât hoặc âc vào chỗ trống để tạo thành từ ngữ.



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập (3 phút)

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV gọi đại diện một số nhóm báo cáo kết quả

Bước 4: Nhận xét, kết luận và dẫn dắt vào bài học

- GV và cả lớp nhận xét
- GV chốt đáp án đúng.
- GV dẫn dắt vào bài học

- HS thảo luận nhóm và làm bài tập

- HS điền từ còn thiếu để hoàn thành các từ: bậc thang, đôi tất, ngũ gặt, quả gấc, thật thà, nổi bật, cuộc đất, vất vả, chặt chội.

+ HS nhận xét

- HS ghi tên bài vào vở

Tiểu kết chương 2

Trên cơ sở nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn ở chương 1, trong chương 2, đề tài phân tích các vấn đề về: Tầm quan trọng của việc thiết kế hoạt động Khởi động; Các hình thức khởi động; Quy trình thiết kế hoạt động Khởi động

trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 theo hướng PTNL HS. Đề tài tập trung thiết kế một số hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 (Bộ sách KNTTVCS). Các bài được sử dụng để thiết kế đảm bảo phân bố đều ở hai tập sách giáo khoa, bao gồm các kỹ năng Đọc, Viết, Nói và Nghe.

KẾT LUẬN

Chương trình GDPT tổng thể được ban hành tháng 12 năm 2018 coi phát triển năng lực học sinh là một trong những điểm quan trọng nổi bật của việc xây dựng chương trình và tổ chức quá trình dạy học. Dạy học phát triển năng lực học sinh là một xu hướng giáo dục tiên tiến trên thế giới và ở Việt Nam. Đổi mới phương pháp dạy học nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục về kiến thức – kỹ năng và hình thành những năng lực cần thiết cho HS trong thời đại mới; để thực hiện được điều đó thì vai trò của người GV cần tiên phong đi đầu trong công tác đổi mới. Việc đổi mới không phải bắt đầu từ hoạt động học mà cần bắt đầu từ hoạt động dạy của người thầy. Để định hướng và tạo đà cho các hoạt động học tập, hình thành kiến thức trong mỗi tiết học thì việc khởi động là cần thiết, do đó đổi mới cần tiến hành trước tiên từ hoạt động Khởi động. Qua quá trình nghiên cứu, tìm hiểu các giải pháp đổi mới nhằm phát huy tính tích cực của HS, chúng tôi nhận thấy việc đổi mới hoạt động dạy học là cần thiết. Trong đó hoạt động Khởi động cần được quan tâm đầu tư đổi mới đúng mức để mang lại hứng thú và tạo tâm lý tích cực cho học sinh ngay từ đầu mỗi tiết học.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, đề tài tập trung thiết kế một số hoạt động Khởi động môn Tiếng Việt lớp 3 (Bộ sách KNTTVCS) theo hướng PTNL HS. Việc thiết kế được tuân thủ theo những nguyên tắc nhất định; bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Tiếng Việt (2018); thực hiện theo quy trình hợp lý; hình thức trình bày rõ ràng, khoa học.

Kết quả nghiên cứu của đề tài bổ sung nguồn tài liệu tham khảo hữu ích đối với sinh viên ngành giáo dục tiểu học Trường Đại học Hoa Lư, góp phần nâng cao chất lượng học tập và hoạt động rèn nghề. Tuy vậy, đề tài vẫn còn nhiều thiếu sót cả về hình thức và nội dung, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến góp ý của thầy cô và bạn đọc để tiếp tục hoàn thiện đề tài.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ban hành Chương trình GDPT môn Tiếng Việt*, Hà Nội, ban hành ngày 05 tháng 5 năm 2006.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới - Chương trình GDPT tổng thể*, Hà Nội, ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới - Chương trình GDPT môn Tiếng Việt*, Hà Nội, ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Công văn 2345/BGDĐT- GDTH về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học*, Hà Nội, ban hành ngày 07 tháng 6 năm 2021.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Thông tư ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*, Hà Nội, ban ngày 01 tháng 11 năm 2019.
6. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2022), *Sách giáo viên, sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 3 bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb giáo dục Việt Nam.
7. Đỗ Xuân Thảo, Nguyễn Hữu Hợp (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và dạy học phát triển năng lực học sinh Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.
8. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên) (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.
9. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) (2018), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, Nxb Đại học Sư phạm.

10. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên) (2019), *Sách Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới*, Nxb Đại học Sư phạm.

11. Đinh Thị Nguyệt Linh, Nguyễn Thu Huyền, Đàm Hồng Thúy (08/5/2020); *Trò chơi khởi động trong dạy học tập đọc lớp 2 theo định hướng phát triển năng lực*; Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Hùng Vương (08/5/2020).

12. Hoàng Thị Tuyết (Chủ biên) (2019), *Lý luận dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học phần 1*, Nxb Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.

13. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Thị Diễm My (2017), *Phương pháp dạy học phát triển năng lực học sinh phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.

14. Lê Phương Nga (2016), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I, II*, Nxb Đại học Sư phạm.

15. Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên) (2018), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm.

16. Nguyễn Hữu Hợp (2018), *Thiết kế bài học phát triển năng lực học sinh Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.

17. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên) (2020), *Giáo trình Thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm.

18. Phan Thị Hạnh Mai (Chủ biên) (2017), *Tâm lý học sinh tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.

10. Vũ Thị Thu Hiền, Vũ Phạm Thu Trang (2020), *Một số biện pháp dạy - học phân khởi động trong giờ Tiếng Việt ở lớp 1, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Tạp chí Khoa học.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU KHẢO SÁT GIÁO VIÊN TIỂU HỌC VỀ VIỆC THIẾT KẾ VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Tác giả đề tài NCKH trân trọng gửi tới Quý Thầy (Cô) phiếu lấy ý kiến phản hồi về việc thiết kế và tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học. Ý kiến của Quý Thầy (Cô) sẽ giúp nhóm tác giả có cơ sở để đề ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng học tập và thực hành nghề nghiệp sau này.

Nhóm tác giả đảm bảo các thông tin của Quý Thầy (Cô) trong phiếu này hoàn toàn được bảo mật và chỉ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu theo quy định.

Xin chân thành cảm ơn Quý Thầy (Cô)!

1. Thông tin về giáo viên thực hiện khảo sát:

Họ và tên giáo viên:

Đơn vị công tác:

Số điện thoại:

Email:

2. Nội dung khảo sát

Câu 1: Trường Thầy (Cô) đang công tác hiện sử dụng bộ SGK Tiếng Việt (lớp 3) nào sau đây?

Cánh diều

Kết nối tri thức với cuộc sống

Chân trời sáng tạo

Câu 2: Ở trường Thầy (Cô) đang công tác hiện có khoảng bao nhiêu học sinh đang học lớp 3?

.....

Câu 3: Thầy (Cô) có cho rằng hoạt động Khởi động mở đầu bài dạy Tiếng Việt ở tiểu học là cần thiết không?

- Không cần thiết
- Cần thiết một phần
- Cần thiết
- Rất cần thiết

Câu 4: Theo Thầy (Cô), nhận định dưới đây là Đúng (Đ) hay Sai (S)?

- Hoạt động Khởi động làm cho giờ học trở nên sôi nổi, tạo tâm thế hứng khởi, thoải mái cho HS
- Hoạt động Khởi động làm mất thời gian của giờ học
- Hoạt động Khởi động kích thích nhu cầu tìm tòi, khám phá bài học
- Hoạt động Khởi động giúp kết nối kiến thức, kỹ năng HS đã có với nội dung bài mới
- Hoạt động Khởi động giúp HS vận dụng những điều đã học để nhận thức, giải quyết những tình huống có thực trong đời sống.
- Hoạt động Khởi động giúp GV bước đầu đánh giá về sự chuẩn bị bài của HS
- Hoạt động Khởi động giúp GV giới thiệu bài học một cách thú vị, hấp dẫn
- Hoạt động Khởi động tạo áp lực học tập cho HS
- Hoạt động Khởi động giúp cho việc kiểm tra bài cũ diễn ra nhẹ nhàng, tạo cảm xúc tích cực cho HS
- Hoạt động Khởi động có vai trò củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng thực hành

Câu 5: Theo Thầy (Cô), có cần thiết phải đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt không?

- Không cần thiết
- Cần thiết một phần
- Phân vân
- Rất cần thiết

Câu 6: Thầy (Cô) đánh giá về tần suất tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt ở trường mà Thầy (Cô) đang công tác:

- Không bao giờ
- Thi thoảng
- Thường xuyên
- Tất cả các bài học mới

Câu 7: Thầy (Cô) thường tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học kiểu bài (nội dung kiến thức) nào sau đây?

- Tập đọc
- Học vần
- Tập làm văn
- Tập viết
- Chính tả
- Luyện từ và câu
- Kể chuyện
- Bài mới
- Bài ôn tập, củng cố

Câu 8: Thầy (Cô) thường tham khảo ở đâu để thiết kế và tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt?

- Gợi ý của Sách giáo viên
- Tham khảo ý tưởng của đồng nghiệp
- Tìm kiếm trên mạng Interne

- Tự thiết kế
- Không quan tâm nhiều đến vấn đề này

Câu 9: Thầy (Cô) có trình bày hoạt động Khởi động cụ thể trong kế hoạch bài dạy không?

- Không trình bày
- Trình bày sơ lược, khái quát (chỉ ghi đề mục/tên hoạt động)
- Trình bày chi tiết, cụ thể về thời gian, cách thức thực hiện

Ý kiến khác:

.....

Câu 10: Trong dạy học Tiếng Việt, Thầy (Cô) thường sử dụng hình thức tổ chức hoạt động Khởi động nào dưới đây?

- GV nêu câu hỏi, HS trả lời
- Cho HS làm bài tập ôn tập, kiểm tra bài cũ
- Cho HS quan sát tranh ảnh của bài mới
- Cho HS xem video
- Tổ chức trò chơi học tập
- Cho học sinh hát một bài
- Hình thức khác:

.....

.....

Câu 11: Theo Thầy (Cô), thời gian dành cho hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt thế nào là phù hợp?

- 3 phút
- 5 phút
- 7 phút
- Đáp án khác:

Câu 12: Thái độ của HS khi tham gia hoạt động Khởi động mà Thầy (Cô) tổ chức trong dạy học Tiếng Việt?

- Chán nản, mệt mỏi
- Thờ ơ, không hợp tác
- Tương đối hứng thú
- Rất hứng thú, tích cực

Ý kiến khác:

.....

Câu 13: Thầy (Cô) có biết tài liệu nào nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt không?

- Không
- Có

Câu 14: Những khó khăn mà Thầy (Cô) thường gặp khi thiết kế và tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt?

- Lớp học đông, trình độ HS không đồng đều
- Khó phân bố thời gian
- HS không hợp tác
- Khó xác định được phương pháp, hình thức tổ chức hấp dẫn, hiệu quả
- Khó xác định được mục tiêu của hoạt động
- Tốn kém kinh phí
- Cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu dạy học
- Kỹ năng ứng dụng CNTT còn hạn chế

Khó khăn khác:

.....

Câu 15: Thầy (Cô) có mong muốn được tham khảo tài liệu thiết kế các hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt không?

- Không quan tâm
- Bình thường
- Khá mong muốn
- Rất mong muốn

Câu 16: Thầy (Cô) đánh giá thế nào về kỹ năng thiết kế hoạt động Khởi động của các GV ở trường Thầy Cô đang công tác?

- Chưa thành thạo
- Số ít thành thạo
- Phân vân
- Đa số thành thạo
- Rất thành thạo

Câu 17: Thầy (Cô) có mong muốn gì để việc thiết kế và tổ chức hoạt động Khởi động được hiệu quả trong dạy học?

- GV được tham dự các lớp tập huấn về việc thiết kế KHBD
- GV được cung cấp tài liệu hướng dẫn, mẫu KHBD minh họa
- GV được bồi dưỡng thêm về CNTT
- Các lớp học được trang bị thêm về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Ý kiến khác:

Xin chân thành cảm ơn Quý Thầy (Cô)!

PHỤ LỤC 2

PHIẾU KHẢO SÁT HỌC SINH

(Dành cho học sinh lớp 3)

Xin chào các em học sinh!

Tác giả đề tài NCKH trân trọng gửi tới các e học sinh phiếu lấy ý kiến phản hồi về việc tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học. Ý kiến của các em sẽ giúp nhóm tác giả có cơ sở để đề ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng học tập và thực hành nghề nghiệp sau này.

Xin chân thành cảm ơn các em!

1. Thông tin học sinh thực hiện khảo sát

Họ và tên học sinh:

Lớp:

Trường:

2. Nội dung khảo sát (Đánh dấu X vào ô em chọn)

Câu 1: Em có mong muốn được tham gia Khởi động khi bắt đầu giờ học không?

Không mong muốn

Bình thường

Rất mong muốn

Câu 2: Em có thường xuyên được tham gia Khởi động trong môn Tiếng

Việt không?

Không bao giờ

Thi thoảng

Thường xuyên

Tất cả các giờ học

Không nhớ rõ

Câu 3: Khi tham gia hoạt động Khởi động đầu giờ học, em cảm thấy thế nào?

- Mệt mỏi
- Buồn chán
- Bình thường
- Vui vẻ
- Hào hứng
- Khác:

.....

Câu 4: Trong các hình thức Khởi động dưới đây, hình thức nào em đã được tham gia nhiều nhất?

- Thầy (Cô) nêu câu hỏi, học sinh trả lời
- Xem tranh ảnh
- Xem video
- Múa hát
- Tham gia trò chơi
- Hình thức khác:

Câu 5: Em thích những cách Khởi động nào dưới đây?

- Trò chơi học tập
- Xem tranh ảnh
- Xem video
- Đóng vai
- Múa hát
- Trả lời các câu hỏi của giáo viên

Xin chân thành cảm ơn các em!

PHỤ LỤC 3

Thứ hai ngày 6 tháng 11 năm 2023

TIẾNG VIỆT (TIẾT 64+ 65)

Bài 17: NGƯỠNG CỬA

NÓI VÀ NGHE: KỂ CHUYỆN SỰ TÍCH NHÀ SÀN(T1+2)

Giáo viên: Lê Thị Ninh-Trường Tiểu học Tân Thành

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

- Học sinh đọc đúng và rõ ràng bài thơ Ngưỡng cửa; biết nghỉ ngơi ở chỗ ngắt nhịp thơ và giữa các dòng thơ; bước đầu biết thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ (nhân vật xưng “tôi” trong bài thơ) qua giọng đọc.

- Dựa vào từ ngữ, hình ảnh thơ và tranh minh họa, nhận biết những kỉ niệm của bạn nhỏ gắn bó với ngưỡng cửa, với những người thân yêu từ thuở ấu thơ đến lúc khôn lớn.

- Nghe hiểu nội dung câu chuyện *Sự tích nhà sàn*, kể lại được từng đoạn câu chuyện theo tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện trong bài đọc).

- Hình thành và phát triển tình cảm yêu quý ngôi nhà của mình, những đồ vật thân quen trong ngôi nhà và những người thân trong gia đình. Biết chia sẻ với người thân về nội dung câu chuyện hoặc đọc cho người thân nghe bài thơ nói về mái ấm gia đình.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Phẩm chất

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp, quê hương qua bài tập đọc.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bạn bè qua câu chuyện về những trải nghiệm mùa hè.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Học sinh đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện “*Ngưỡng cửa*”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1.Khởi động(side 1-8)</p> <ul style="list-style-type: none">- GV chiếu tranh khởi động tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Em cảm thấy thế nào nếu phải xa ngôi nhà của mình nhiều ngày?- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- HS tham gia trò chơi+ HS trả lời câu hỏi.+ HS lắng nghe.

PHỤ LỤC 4

LUYỆN TẬP: TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM. CÂU KHIẾN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

- Tìm được từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ. Nhận biết được câu khiến (nêu được dấu hiệu nhận biết); đặt được câu khiến trong các tình huống khác nhau.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Phẩm chất

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua bài thơ.
- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bà và những người thân qua bài thơ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: (side 2,3)	
<ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Em đã làm những việc gì để thể hiện tình cảm yêu thương đối với người thân của em?- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- HS tham gia trò chơi.- HS lắng nghe.

PHỤ LỤC 5

PHIẾU BÀI TẬP

Họ và tên:

Lớp: 3....

Thứ.....ngày...../...../20...

Điểm

Nhận xét của giáo viên

Hướng dẫn

Em hãy tô màu:

Từ chỉ sự vật

Vàng

Từ chỉ hoạt động

Xanh

Từ chỉ đặc điểm

Đỏ



PHỤ LỤC 6

PHIẾU HỌC TẬP

Em hãy điền từ còn thiếu để hoàn thành câu ca dao, tục ngữ sau

1. Lá lành đùm lá
2. Kính trên nhường
3. Ba bảy nổi
4. Thất bại là mẹ
5. Chết vinh còn hơn nhục

Các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau là:

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 7

PHIẾU HỌC TẬP

Điền tiếng có vần ât hoặc âc vào chỗ trống để tạo thành từ ngữ

